



## **BÁO CÁO**

### **TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH ĐẦU TƯ TOÀN DIỆN ASEAN ĐỐI VỚI SẢN XUẤT, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN, LÂM NGHIỆP VÀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**MÃ HOẠT ĐỘNG: ICB-1**

**Hỗ trợ Việt Nam gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN**

**Tác giả:**

Phạm Lan Hương

Đình Thu Hằng

Nguyễn Minh Thảo

*Hà Nội, tháng 8 năm 2015*

Tài liệu này được soạn thảo với sự hỗ trợ tài chính từ Ủy ban châu Âu. Quan điểm trong tài liệu này là của tác giả và vì vậy không thể hiện quan điểm chính thức của Ủy ban châu Âu cũng như Bộ Công Thương.

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU .....</b>	<b>3</b>
<b>DANH MỤC BIỂU ĐỒ .....</b>	<b>3</b>
<b>TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>4</b>
<b>1. GIỚI THIỆU .....</b>	<b>5</b>
1.1. Bối cảnh.....	5
1.2. Phạm vi nghiên cứu .....	5
1.3. Phương pháp nghiên cứu .....	6
1.4. Cấu trúc của báo cáo.....	6
<b>2. TÓM TẮT VỀ ACIA.....</b>	<b>6</b>
2.1. Đầu tư đủ điều kiện thực thi ACIA .....	7
2.2. Lợi ích của ACIA đối với các nhà đầu tư ASEAN .....	8
2.2.1. Tự do hóa đầu tư .....	8
2.2.2. Không phân biệt đối xử .....	8
2.2.3. Minh bạch hóa.....	9
2.2.4. Bảo hộ nhà đầu tư .....	9
2.2.5. Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư .....	10
2.3. Danh mục bảo lưu của Việt Nam trong ACIA .....	10
<b>3. TỔNG QUAN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006-2014.....</b>	<b>11</b>
3.1. Tổng quan về FDI vào Việt Nam .....	11
3.2. FDI theo ngành .....	12
3.3. FDI từ ASEAN .....	13
<b>4. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ VÀ CÁC DÒNG VỐN FDI TRÀN VÀO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HẬU THỰC THI ACIA.....</b>	<b>14</b>
4.1. Tác động của ACIA đối với đầu tư của cả nền kinh tế.....	14
4.1.1. Tác động của ACIA đối với FDI.....	14

4.1.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nước .....	17
4.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản .....	18
4.2.1. Tác động của ACIA đối với FDI.....	18
4.2.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nước trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.....	20
4.3. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong sản xuất.....	21
4.3.1. Tác động của ACIA đối với FDI.....	21
4.3.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nước trong ngành sản xuất .....	22
4.4. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong khai khoáng .....	22
<b>5. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI SẢN XUẤT TRONG NƯỚC.....</b>	<b>24</b>
5.1. Tác động của FDI từ ASEAN vào nông nghiệp đối với GDP thông qua gia tăng tài sản sản xuất.....	25
5.2. Tác động của FDI từ ASEAN vào sản xuất đối với gia tăng tài sản sản xuất và GDP.....	26
<b>6. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU .....</b>	<b>27</b>
<b>7. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU .....</b>	<b>27</b>
<b>8. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH.....</b>	<b>29</b>
8.1. Kết luận.....	29
8.2. Khuyến nghị .....	29
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>29</b>

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Cơ cấu FDI theo ngành giai đoạn 2006-2014 (% vốn đăng ký) .....	12
Bảng 2. Cơ cấu FDI vào Việt Nam giai đoạn 2005-2014 (%) .....	13
Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng hàng năm vốn thực hiện theo chủ đầu tư (%).....	18
Bảng 4. FDI trong khai khoáng tại Việt Nam.....	23

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. FDI vào Việt Nam giai đoạn 2006-2014 (triệu USD).....	12
Biểu đồ 2. FDI từ ASEAN: Dòng vốn và tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006-2014 .....	14
Biểu đồ 3. Vốn FDI đăng ký (triệu USD) theo các đối tác chính và tăng trưởng GDP của Việt Nam .....	15
Biểu đồ 4. Lộ trình cắt giảm thuế quan theo các FTA chính tại Việt Nam (%).....	16
Biểu đồ 5. Tăng trưởng hàng năm của các dòng vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2006-2013 (%) .....	17
Biểu đồ 6. Vốn FDI đăng ký trong nông nghiệp theo đối tác đầu tư chính (triệu USD).....	19
Biểu đồ 7. FDI vào ngành nông-lâm-ngư nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2006-2014 .....	19
Biểu đồ 8. Vốn FDI đăng ký trong thủy sản theo đối tác đầu tư chính (triệu USD).....	20
Biểu đồ 9. Đầu tư trong nước (tỷ đồng theo giá 2010) và vốn FDI đăng ký (triệu USD) từ ASEAN trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản .....	21
Biểu đồ 10. Vốn FDI đăng ký trong sản xuất theo đối tác đầu tư chính (%) .....	22
Biểu đồ 11. FDI từ ASEAN vào ngành công nghiệp khai khoáng ở Việt Nam.....	24
Biểu đồ 12. Đầu tư trong nước (tỷ VND theo giá năm 2010) và vốn FDI đăng ký từ ASEAN trong sản xuất (triệu USD) .....	25
Biểu đồ 13. Đóng góp của FDI từ ASEAN vào nông nghiệp .....	26
Biểu đồ 14. Đóng góp của FDI từ ASEAN vào sản xuất .....	27
Biểu đồ 15. Tăng trưởng hàng hóa nhập khẩu hàng năm của Việt Nam theo danh mục phân loại hàng hóa theo ngành kinh tế rộng (%).....	28
Biểu đồ 16. Nhập khẩu của Việt Nam từ một số đối tác kinh tế giai đoạn 2008-2013 .....	28

## TỪ VIẾT TẮT

ACIA	Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN
AFF	Nông - lâm - ngư nghiệp
AFTA	Khu vực mậu dịch tự do ASEAN
AIA	Hiệp định đầu tư ASEAN
AIG	Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư
APEC	Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CIEM	Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương
EU	Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GSO	Tổng cục thống kê Việt Nam
RCEP	Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực
TPP	Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương
USD	Đô la Mỹ
WTO	Tổ chức thương mại thế giới

## **1. GIỚI THIỆU**

### **1.1. Bối cảnh**

Kể từ sau khi bắt đầu Đổi Mới vào năm 1986, hội nhập quốc tế và khu vực đã trở thành một trong những biện pháp quan trọng nhất để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Năm 1992, nước ta ký hiệp định dệt may với Cộng đồng châu Âu (EC). Sau đó, Việt Nam gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) vào năm 1995 và trở thành thành viên của Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) vào năm 1998.

Quá trình hội nhập kinh tế vẫn luôn được đẩy mạnh kể từ năm 2000. Cũng vào năm này, Việt Nam và Hoa Kỳ đã ký kết Hiệp định Thương mại song phương (VN-US BTA), là hiệp định thương mại toàn diện nhất đầu tiên, giúp Việt Nam đạt được tiêu chuẩn tự do hóa thương mại và đầu tư cao hơn. Giai đoạn 2000-2006 cũng là giai đoạn mà Việt Nam có những nỗ lực hết sức mạnh mẽ hướng tới thúc đẩy hội nhập kinh tế đa phương và khu vực. Nước ta thực hiện các bước chuẩn bị toàn diện hơn cho việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) trong khi tiến hành ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) trong khuôn khổ ASEAN như FTA ASEAN-Trung Quốc và FTA ASEAN-Hàn Quốc. Việc gia nhập WTO vào năm 2007 giúp củng cố niềm tin của cả cộng đồng trong nước và nhà đầu tư nước ngoài về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam. Sau này, Việt Nam còn ký kết và thực hiện nhiều FTA cấp khu vực hơn như FTA ASEAN-Úc-New Zealand, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản, FTA ASEAN-Ấn Độ. Việt Nam cũng đã tăng cường các nỗ lực hướng tới thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào năm 2015.

Ngay cả trong giai đoạn này, Việt Nam cũng đang tích cực đàm phán một số FTA tham vọng, như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam – EU, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), v.v. Mức độ và phạm vi của các FTA liên tục được mở rộng, từ thương mại hàng hóa đến thương mại môi trường và các vấn đề khác như thuận lợi hóa thương mại và đầu tư, quyền sở hữu trí tuệ, v.v.

Trong bối cảnh đó, cân nhắc nhu cầu hiện tại và tương lai về một môi trường đầu tư toàn diện và mạnh mẽ tại ASEAN, Hội nghị Bộ trưởng kinh tế ASEAN lần thứ 39 tổ chức tại Philippines ngày 23 tháng 8 năm 2007 đã quyết định sửa đổi khuôn khổ Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA) thành một hiệp định toàn diện hướng tới tương lai - Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) có đặc điểm và các quy định cải tiến, và có cân nhắc tới bối cảnh kinh tế và kinh doanh toàn cầu liên tục thay đổi cũng như các giai đoạn phát triển khác nhau trong ASEAN. ACIA được hy vọng sẽ hỗ trợ giúp củng cố sự bền vững của ASEAN, hướng tới chương trình nghị sự hội nhập kinh tế trong khuôn khổ AEC năm 2015 và các mục tiêu xa hơn nữa. ACIA được ký vào ngày 26 tháng 12 năm 2009, có hiệu lực vào 29 tháng 3 năm 2012.

### **1.2. Phạm vi nghiên cứu**

Với sự hỗ trợ của Dự án EU-MUTRAP, nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các tác động của ACIA đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong 5 lĩnh vực đầu tư nước ngoài chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, sản xuất và khai thác khoáng sản) trong suốt giai đoạn thực thi ACIA 2012-2014 về đầu tư quốc gia (cả FDI và đầu tư trong nước), sản xuất trong nước, xuất nhập khẩu của 5 ngành này.

Do không có đủ số liệu, nghiên cứu không phân tích tác động đối với dòng FDI ra nước ngoài (vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam).

### **1.3. Phương pháp nghiên cứu**

Không dễ để có thể đo lường tác động nói chung và tác động của ACIA nói riêng không phải vì nhiều lý do. Thứ nhất, ACIA mới chỉ được thực thi trong hơn 3 năm, các tác động của nó có thể còn chưa nhận biết được. Một dự án thường phải mất từ 3 đến 5 năm để hoàn thành xây dựng và lắp đặt trang thiết bị cơ bản. Thứ 2, trong thời gian này, Việt Nam còn tiến hành thực hiện các cam kết tự do hóa thương mại và đầu tư trong các hiệp định song phương, khu vực và toàn cầu như các hiệp định ví dụ đã nêu trên. Kết quả kinh tế xã hội đạt được là sự kết hợp tất cả các cam kết được thực hiện. Hơn nữa, tình hình thế giới thay đổi nhanh chóng cũng ảnh hưởng đến mức độ nhận biết về tác động của ACIA. Việc thu thập dữ liệu chi tiết cũng là một khó khăn khác.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là theo dõi các kênh mà qua đó các thay đổi về đầu tư từ ASEAN được truyền đến nền kinh tế. Thứ nhất, các điều kiện đầu tư thuận lợi trong các lĩnh vực cụ thể đóng vai trò là các biện pháp ưu đãi thu hút FDI vào các lĩnh vực này. Các dự án FDI này sẽ có các tác động gọi là tác động theo chiều ngang (hay tác động nội bộ ngành) đối với đầu tư trong nước trong các lĩnh vực tương tự, có thể là tác động tích cực hoặc tiêu cực. Một mặt, các nhà đầu tư trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn từ FDI trong lĩnh vực họ hoạt động. Mặt khác, họ lại có thể hưởng lợi từ công nghệ mới và kỹ năng quản lý tràn sang Việt Nam nhờ FDI.

Thứ hai, thông qua cái gọi là liên kết ngược, FDI trong lĩnh vực được xem xét ảnh hưởng đến sản lượng đầu ra của các nhà cung cấp đầu vào (cả doanh nghiệp nước ngoài và trong nước) trong các lĩnh vực thượng nguồn (tác động theo chiều dọc). Thông qua liên kết xuôi, FDI ảnh hưởng đến sản lượng đầu ra của người mua/người sử dụng sản phẩm là doanh nghiệp nước ngoài hay trong nước trong các lĩnh vực hạ nguồn (một loại tác động theo chiều dọc khác).

Thứ ba, các thay đổi này ngược lại có thể ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư, và tiếp theo đó là sản lượng đầu ra của các nhà cung cấp và người sử dụng.

### **1.4. Cấu trúc của báo cáo**

Báo cáo mở đầu với phần giới thiệu tóm tắt về ACIA, tiếp sau đó là thông tin tổng quan về FDI ở Việt Nam. Phần 4 bàn về tác động của việc thực thi ACIA đối với các dòng vốn FDI và đầu tư trong nước. Phần 5 dự đoán tác động của ACIA đối với sản xuất trong nước. Phần 6 và Phần 7 trình bày về tác động của ACIA đối với xuất khẩu và nhập khẩu. Phần 8 đưa ra kết luận của nghiên cứu.

## **2. TÓM TẮT VỀ ACIA**

Một trong 4 mục tiêu cơ bản của AEC sắp tới là trở thành một thị trường đơn nhất và cơ sở sản xuất chung với 5 yếu tố cốt lõi: dòng lưu chuyển tự do về hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và lao động, dòng lưu chuyển tự do hơn về vốn. Để thực hiện các mục tiêu đó, ACIA hướng tới tăng cường đầu tư ASEAN bằng cách tạo ra một cơ chế đầu tư tự do, mở cửa, minh bạch và hội nhập cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế ở mọi quốc gia thành viên ASEAN, giúp hỗ trợ hội nhập kinh tế khu vực trước và sau Cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015.

Để thay thế hai hiệp định tiền nhiệm là AIA và Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (AIG), ACIA nỗ lực thiết lập một cơ chế dựa trên các thông lệ quốc tế tốt nhất song song cùng với việc mở rộng và tái khẳng định các nguyên tắc đặt ra tại AIA và AIG. Để làm được điều này, ACIA đưa ra các định nghĩa rõ ràng và toàn diện phù hợp với các hiệp định quốc tế hiện hành, tăng cường sự hấp dẫn của ASEAN khi là một điểm đến đầu tư chung. Hiệp định ACIA cải thiện một số khía cạnh của hai hiệp định trước đó bằng cách:

- Áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất giúp bảo vệ nhà đầu tư và vốn đầu tư, và tăng cường bảo hộ đầu tư
- Tiếp thu các xu hướng gần đây trong tập quán đầu tư quốc tế là các xu hướng khuyến khích áp dụng ít hơn các cơ chế hạn chế đầu tư.
- Đưa danh mục đầu tư và sở hữu trí tuệ vào hiệp định, đồng thời đưa ra định nghĩa rộng hơn về nhà đầu tư và vốn đầu tư.
- Cho phép công dân nước thứ ba hưởng lợi từ ACIA
- Tăng cường minh bạch trong việc hoạch định chính sách đầu tư lên cấp độ cao hơn
- Áp dụng các cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư và khuyến khích các cơ chế giải quyết tranh chấp thay thế

Tự do hóa, bảo hộ, thuận lợi hóa và xúc tiến đầu tư là 4 trụ cột của ACIA, và để đạt được mục tiêu cuối cùng là thành lập AEC vào năm 2015, các nguyên tắc chủ đạo là: (i) Tạo ra một môi trường đầu tư tự do và cởi mở trong khu vực thông qua tự do hóa đầu tư dần dần và tăng cường tính minh bạch và khả năng dự báo của các quy tắc, quy định và thủ tục đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi tăng cường đầu tư; (ii) Đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế và các khoản đầu tư của họ tại ASEAN và tăng cường bảo hộ cho nhà đầu tư và vốn đầu tư của họ; (iii) Thúc đẩy toàn bộ khu vực ASEAN thành một khu vực đầu tư thống nhất với các điều kiện thuận lợi cho đầu tư trong nước và quốc tế; (iv) Duy trì và trao cho các quốc gia thành viên sự đối xử ưu đãi mà không đi ngược lại các cam kết trong các hiệp định trước; (v) Trao cho các nước thành viên sự đối xử đặc biệt và khác biệt và các sự linh hoạt khác bao gồm sự đối xử có đi có lại khi nhượng bộ; (v) Sẵn sàng mở rộng phạm vi của ACIA để điều chỉnh các lĩnh vực khác trong tương lai.

ACIA bao phủ hầu hết tất cả các hình thức đầu tư (chỉ trừ các điều khoản bảo lưu của các thành viên trong danh sách bảo lưu của ACIA) với các nghĩa vụ tự do hóa 5 lĩnh vực chính gồm sản xuất, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, khai thác mỏ và khai thác đá cùng các dịch vụ kèm theo. Dự kiến quá trình tự do hóa sẽ diễn ra từ từ đến năm 2015, trong khoảng thời gian này các quốc gia thành viên dần dần loại bỏ các điều khoản bảo lưu về đầu tư trong các ngành công nghiệp nhất định.

## **2.1. Đầu tư đủ điều kiện thực thi ACIA**

Để hưởng lợi từ ACIA, khoản đầu tư phải được thực hiện bởi một thể nhân (kiểu bào, công dân, hoặc thường trú nhân) của bất kỳ một quốc gia thành viên ASEAN hoặc bởi một pháp nhân có trụ sở tại ASEAN mà đáp ứng các điều kiện quy định tại ACIA.

Để được bảo hộ theo ACIA, một khoản đầu tư của một bên đầu tư không thuộc ASEAN phải đáp ứng các điều kiện sau đây:



- Khoản đầu tư được thực hiện tại một quốc gia thành viên ASEAN bởi một pháp nhân. Pháp nhân có thể là bất kỳ thực thể pháp lý nào theo quy định của quốc gia thành viên liên quan.
- Bên đầu tư không thuộc ASEAN phải sở hữu hoặc kiểm soát (tức là có quyền chỉ định phần lớn giám đốc hoặc chỉ đạo hoạt động hợp pháp của) thực thể pháp lý ASEAN.
- Pháp nhân phải tiến hành các hoạt động kinh doanh quan trọng tại quốc gia thành viên nơi pháp nhân thành lập lần đầu.
- Bên thứ ba không thuộc ASEAN đến từ một quốc gia có quan hệ ngoại giao với quốc gia thành viên ASEAN có liên quan.

## **2.2. Lợi ích của ACIA đối với các nhà đầu tư ASEAN**

Các lợi ích có được từ ACIA gồm tự do hóa đầu tư, không phân biệt đối xử, minh bạch hóa, bảo hộ nhà đầu tư, và Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư.

### **2.2.1. Tự do hóa đầu tư**

Hiệp định tự do hóa đầu tư xuyên biên giới trong 5 lĩnh vực: sản xuất, nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, khai thác mỏ và khai thác đá, và các dịch vụ kèm theo. Mỗi quốc gia thành viên ASEAN đưa ra một danh sách bảo lưu cho các lĩnh vực này, mọi hoạt động không có trong danh sách bảo lưu đều chịu sự điều chỉnh của chính sách quốc gia, được tự do hóa và mở cửa với nhà đầu tư ASEAN.

Mỗi quốc gia thành viên có trách nhiệm cắt giảm hoặc xóa bỏ danh mục bảo lưu theo 3 giai đoạn của Lộ trình chiến lược xây dựng AEC (2008-2010, 2011-2013 và 2014-2015).

Các quốc gia ASEAN cũng cam kết tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực: hội tụ chính sách đầu tư, quy trình thủ tục nộp hồ sơ xin cấp phép đầu tư và phê duyệt; trao đổi thông tin về các quy tắc, quy định, chính sách và thủ tục liên quan đến đầu tư; tăng cường phối hợp giữa các bộ ngành chính phủ; tham vấn với các bên liên quan thuộc khu vực tư nhân ở cấp độ cao hơn để thuận lợi hóa đầu tư.

Để hỗ trợ thúc đẩy khu vực ASEAN thành một khu vực đầu tư thống nhất với các điều kiện thuận lợi cho đầu tư trong nước và quốc tế, thông qua ACIA, tất cả các quốc gia thành viên thống nhất: (i) tạo ra môi trường thuận lợi nhằm thúc đẩy mọi hình thức đầu tư và các khu vực tăng trưởng mới tại ASEAN; (ii) Xúc tiến đầu tư nội ASEAN, đặc biệt là đầu tư từ ASEAN-6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan) vào các nước ASEAN kém phát triển hơn; (iii) Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng trưởng và phát triển; và (iv) Khuyến khích các sáng kiến đầu tư chung tập trung vào các cụm và mạng lưới sản xuất khu vực.

### **2.2.2. Không phân biệt đối xử**

Một đặc điểm quan trọng của ACIA là đối xử bình đẳng đối với các nhà đầu tư ASEAN và các khoản đầu tư của họ. Nguyên tắc đối xử quốc gia (NT) và Đối xử tối huệ quốc (MFN) buộc các quốc gia thành viên ASEAN không được phân biệt và đối xử với các nhà đầu tư ASEAN kém thuận lợi hơn đối thủ cạnh tranh địa phương hay nước ngoài. Theo nguyên tắc đối xử quốc gia, một quốc gia ASEAN đối xử với nhà đầu tư từ bất kỳ quốc gia ASEAN nào khác không kém thuận lợi hơn nhà đầu tư của mình trong việc cấp phép, thành

lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành và buôn bán hoặc các sắp xếp đầu tư khác trong lãnh thổ của mình. Theo nguyên tắc đối xử tối huệ quốc, mọi nhà đầu tư ASEAN, bao gồm cả các nhà đầu tư từ các quốc gia không phải là thành viên ASEAN, phải được đối xử công bằng. Ngoài ra, các quốc gia thành viên không được áp đặt yêu cầu cụ thể nào về quốc tịch đối với quản lý cấp cao trừ khi có bảo lưu chính thức công khai, và nếu một quốc gia thành viên yêu cầu ban giám đốc của một công ty nước ngoài phải có quốc tịch cụ thể nào hoặc là cư dân, yêu cầu này không được làm giảm khả năng kiểm soát đầu tư của nhà đầu tư. ACIA cũng đảm bảo không có yêu cầu về hiệu suất và không áp đặt các điều kiện như hàm lượng nội địa tối thiểu, yêu cầu về xuất khẩu hay yêu cầu cân bằng thương mại.

### **2.2.3. Minh bạch hóa**

Một nguyên tắc chủ đạo khác của ACIA là tăng cường tính minh bạch và khả năng dự báo của các quy tắc, quy định và thủ tục đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi tăng cường đầu tư. Minh bạch hóa được quy định trong nhiều điều khoản của ACIA, cho thấy đây là một hiệp định dựa trên quy tắc và khuyến khích các quy định về đầu tư có thể dự báo được.

### **2.2.4. Bảo hộ nhà đầu tư**

ACIA trao cho các khoản đầu tư hợp lệ một số sự bảo hộ. Hầu hết các biện pháp bảo hộ này bắt buộc nước chủ đầu tư đó phải bồi thường trong trường hợp nước này không duy trì được nghĩa vụ đối với một môi trường đầu tư tự do và cạnh tranh.

#### *Đối xử công bằng và thỏa đáng*

Chính phủ nước chủ đầu tư phải tuân thủ pháp luật và quy định quốc gia khi thực thi quyền lực, và không được đưa ra các quyết định tùy tiện. Trong trường hợp hành động pháp lý là chống lại nhà đầu tư, nhà đầu tư đó sẽ có quyền tự vệ, được tiếp cận với đại diện pháp lý và có cơ hội kháng cáo mọi kết quả hay quyết định bất lợi đối với họ.

#### *Bảo vệ đầy đủ*

Chính phủ nước chủ đầu tư buộc phải bảo vệ cho mọi khoản đầu tư trong trường hợp gặp nguy hiểm vật lý (ví dụ bạo động hay biểu tình). Trong trường hợp xảy ra thiệt hại do xung đột vũ trang, tranh chấp hoặc các sự kiện tương tự, nước chủ đầu tư phải bồi thường cho nhà đầu tư bị ảnh hưởng trên cơ sở không phân biệt đối xử.

#### *Không tước đoạt tài sản trái pháp luật*

Bất kỳ quốc gia thành viên ASEAN nào tước đoạt khoản đầu tư được ACIA bảo hộ một cách trực tiếp hay gián tiếp đều buộc phải bồi thường đầy đủ và hiệu quả cho nhà đầu tư bị ảnh hưởng một cách kịp thời theo quy định của pháp luật. Khoản bồi thường phải có thể được thực hiện và chuyển giao đầy đủ giữa các nước thành viên ASEAN và tương đương với giá trị thị trường hợp lý vào thời điểm công bố hoặc tiến hành tước đoạt. Chỉ được phép tước đoạt tài sản vì mục đích cộng đồng và tiến hành theo cách không phân biệt đối xử.

Các trường hợp miễn trừ đối với nghĩa vụ này gồm các trường hợp khi việc tước đoạt tài sản là được phép nhằm thu hồi đất đai thuộc đầu tư, với điều kiện khoản bồi thường được trả cho nhà đầu tư theo pháp luật trong nước, và khi nước chủ đầu tư áp đặt giấy phép bắt buộc đối với tài sản sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật trong nước.

### *Tự do chuyển tiền*

Mọi nhà đầu tư đều có thể tự do và không trì hoãn tiến hành chuyển tiền liên quan đến đầu tư trong và ngoài lãnh thổ quốc gia thành viên ASEAN nhận khoản đầu tư đó. Các khoản tiền chuyển khoản này có thể được thực hiện bằng đồng tiền có thể tự do sử dụng được và theo tỷ giá hối đoái thị trường vào thời điểm chuyển tiền. Trong một số trường hợp đặc biệt, việc áp dụng một cách thiện chí luật và thủ tục của nước chủ đầu tư có thể hạn chế quyền này, ví dụ khi liên quan đến phá sản, vỡ nợ, buôn bán chứng khoán và hàng hóa giao sau, đánh thuế, và thôi việc người lao động.

Trong một số ít trường hợp, các giao dịch vốn có thể bị hạn chế trên cơ sở chung nếu có yêu cầu của Quỹ tiền tệ thế giới (IMF) nhằm bảo vệ cán cân thanh toán, hoặc khi các di chuyển vốn đe dọa gây xáo trộn kinh tế hoặc tài chính nghiêm trọng tại nước chủ đầu tư.

### *Bảo vệ quyền đòi bồi thường của công ty bảo hiểm*

Nếu một công ty bảo hiểm bảo hiểm các nghĩa vụ hợp pháp của nước chủ đầu tư đối với nhà đầu tư, công ty bảo hiểm đó có quyền thế quyền đòi bồi thường từ nước chủ đầu tư.

### **2.2.5. Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư**

Một cấu phần giá trị khác của ACIA là các cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư (ISDS) và thúc đẩy các phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế. Nhà đầu tư ASEAN có thể giải quyết tranh chấp thông qua tòa án trong nước và thẩm phán đoàn, thông qua trọng tài quốc tế gồm ICSID, UNCITRAL, và các quy tắc được thống nhất khác, và theo các phương thức giải quyết tranh chấp khác nhau: trung gian, hòa giải, và tham vấn & thương lượng. Nhà đầu tư có tranh chấp phải chứng minh được rằng mình chịu mất mát hoặc thiệt hại phát sinh từ sự vi phạm của nước chủ đầu tư là quốc gia thành viên ASEAN đối với các nghĩa vụ theo ACIA liên quan đến quản lý, điều hành, vận hành hoặc buôn bán hoặc sắp xếp khoản đầu tư được bảo hộ. Trường hợp có bất đồng về cách diễn giải ACIA mà không phải là tranh chấp đầu tư, tất cả các bên phải sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà nước với nhà nước hiện tại của ASEAN theo Nghị định thư ASEAN về tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp.

### **2.3. Danh mục bảo lưu của Việt Nam trong ACIA**

Không cấp giấy phép đầu tư tại Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất pháo nổ gồm pháo hoa và đèn trời hoặc vật liệu nổ; tất cả các sản phẩm xuất bản và in ấn - sách, tờ rơi, sách âm nhạc, báo, tạp chí và ấn phẩm định kỳ, bản ghi các loại; thuốc lá và xì gà, đồ uống có cồn và nước giải khát, và sản xuất thuốc lá; kính xây dựng, gạch đất sét, thiết bị sản xuất xi măng trực thẳng đứng, và gạch và ngói đất nung; ống và bóng đèn huỳnh quang; tàu chở hàng 10000 DWT; tàu container dưới 800 TEU; bật lửa và tàu chở khách dưới 500 chỗ ngồi; đường mía;
- Trồng trọt, sản xuất, chế biến thực vật quý hoặc hiếm, chăn nuôi động vật hoang dã quý hiếm và chế biến các loại động thực vật này (bao gồm cả động vật sống và vật liệu đã qua chế biến lấy từ động vật);

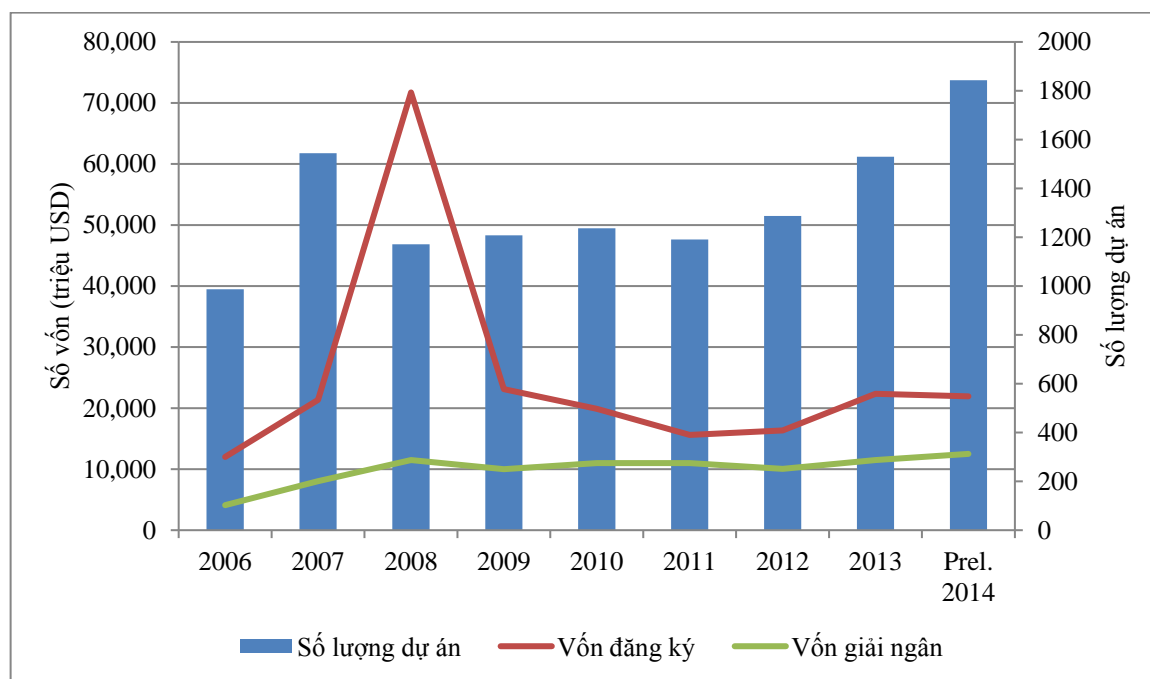
- Các dịch vụ liên quan đến: sản xuất khí công nghiệp như oxy, nitro, CO<sub>2</sub> (rắn hoặc lỏng) xút NaOH (lỏng), thuốc trừ sâu thông thường, và sơn thông thường; chế biến sữa, sản xuất mía đường, chế biến bia và đồ uống, sản phẩm thuốc lá;
- Đánh bắt cá nước biển, đánh bắt cá biển, san hô và khai thác ngọc trai tự nhiên, và các dịch vụ liên quan đến sản xuất lưới đánh cá và sợi xe cho thủy sản, sửa chữa và bảo trì tàu thuyền đánh cá, khai thác thủy sản nước ngọt, và kiểm soát chất lượng nuôi trồng thủy sản và chế biến sản phẩm
- Khai thác mỏ và khai thác đá: các dịch vụ liên quan đến việc áp dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất hoặc các dịch vụ liên quan để kiểm tra, điều chỉnh, sửa chữa và bảo trì thiết bị kiểm soát và đo lường công nghiệp cho ngành dầu khí; dịch vụ kho bãi và cơ sở cung cấp dầu khí; dịch vụ ăn uống và các dịch vụ về lương thực, thực phẩm, nước sạch và rau quả liên quan đến các cơ sở xây dựng ngoài khơi; dịch vụ cung ứng nhân lực bao gồm nhân lực chuyên nghiệp, đào tạo kỹ năng và ngoại ngữ cho nhân lực ra nước ngoài, cho ký kết hợp đồng cung ứng nhân lực với các công ty nước ngoài; dịch vụ liên quan đến xử lý khí; dịch vụ liên quan đến khoan địa chất và khoan thăm dò; đánh giá rủi ro, bao gồm khảo sát, thu thập dữ liệu, sử dụng phần mềm đặc biệt về đánh giá tác động của tần số và mức độ nhạy cảm, đề xuất các biện pháp giảm thiểu; dịch vụ bảo vệ và quản lý môi trường.

### **3. TỔNG QUAN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2006-2014**

#### **3.1. Tổng quan về FDI vào Việt Nam**

FDI vẫn luôn là một nguồn vốn quan trọng đối với Việt Nam. Viễn cảnh về một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn hậu gia nhập WTO là một động lực mạnh mẽ thu hút FDI vào Việt Nam. Vốn FDI đăng ký tăng gần gấp 3, từ 23,3 tỷ USD năm 2007 lên 71,7 tỷ USD năm 2008. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã khiến dòng vốn FDI vào Việt Nam bị suy giảm. Mặc dù sau đó dòng vốn này có hồi phục, nhưng cũng không đạt được mức vào năm 2008. Mặt khác, tuy tổng vốn FDI giảm đáng kể, vốn giải ngân chỉ giảm tương đối trong năm 2009 và 2011, có thể là do một số yếu tố như: (i) cam kết của các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng mạnh mẽ hơn; (ii) khả năng tài chính của họ cũng đã cải thiện sau khi thế giới thoát khỏi khủng hoảng tài chính.

**Biểu đồ 1. FDI vào Việt Nam giai đoạn 2006-2014 (triệu USD)**



Nguồn: Tổng cục thống kê

### 3.2. FDI theo ngành

Trong số 5 ngành được xem xét, FDI cho sản xuất là lớn nhất, chiếm 56-58% tổng vốn FDI giai đoạn 2006-2008 trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Dòng vốn cho sản xuất này đã chịu tác động mạnh mẽ trong và sau cuộc khủng hoảng 2009-2010, giảm một nửa xuống còn khoảng 30% do khan vốn toàn cầu và nhu cầu xuất khẩu đối với hàng sản xuất yếu. FDI cho sản xuất tăng bật trở lại trong giai đoạn thực thi ACIA, đạt mức cao kỷ lục là 76,8% vào năm 2014.

**Bảng 1. Cơ cấu FDI theo ngành giai đoạn 2006-2014 (% vốn đăng ký)**

Ngành	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Nông nghiệp	0.4	0.3	0.5	0.5	0.0	0.2	0.2	0.2	0.1
Lâm nghiệp	0.2	0.0	0.2	0.1	0.0	0.2	0.0	0.0	0.0
Thủy sản	0.1	0.3	0.1	0.2	0.0	0.3	0.3	0.3	0.3
Khai thác mỏ	0.6	1.3	0.2	3.3	0.0	0.6	1.6	0.3	0.0
Sản xuất	58.0	56.4	58.3	31.1	29.6	47.1	61.1	67.4	76.8
Các ngành khác	40.8	41.7	40.8	64.8	70.4	51.7	36.8	31.9	22.8
<b>Tổng</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài

4 ngành còn lại được hưởng sự đối xử ưu đãi theo ACIA (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và khai khoáng) chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng vốn FDI. Có rất ít dự án FDI được triển khai trong ngành lâm nghiệp vào giai đoạn trước khi ACIA được thực thi, và cũng không có dự án nào trong giai đoạn thực thi hiệp định.

### 3.3. FDI từ ASEAN

Kể từ khi nền kinh tế Việt Nam mở cửa đối với nhà đầu tư nước ngoài, ASEAN luôn là một trong các nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam (Bảng 2). Thậm chí tỷ trọng vốn đầu tư từ ASEAN trong tổng vốn FDI tại Việt Nam trong một số năm còn cao hơn các nhà đầu tư lớn khác như Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, tăng từ 9,5% năm 2005 lên 43,6% năm 2008 và trở thành nhà đầu tư lớn nhất vào năm này.

**Bảng 2. Cơ cấu FDI vào Việt Nam giai đoạn 2005-2014 (%)**

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
<b>Tổng</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>	<b>100.0</b>
ASEAN	9.5	8.1	19.6	43.6	5.6	26.8	19.6	15.0	23.1	17.5
Nhật Bản	13.8	12.4	6.5	11.8	3.1	12.1	16.8	34.2	26.3	10.1
Trung Quốc	1.8	3.3	2.7	0.6	1.6	3.4	4.9	2.3	10.5	2.1
Hoa Kỳ	4.9	6.8	1.8	2.4	43.0	9.7	1.9	1.0	0.6	1.3
Đài Loan	11.0	7.0	11.7	13.8	7.0	7.3	3.7	16.3	2.9	5.8
Hàn Quốc	13.6	25.9	25.3	0.0	8.3	12.8	9.9	7.9	20.0	36.2
Các nước khác	45.4	36.4	32.4	27.7	31.3	27.9	43.2	23.4	16.7	26.9

*Nguồn: Tổng cục thống kê*

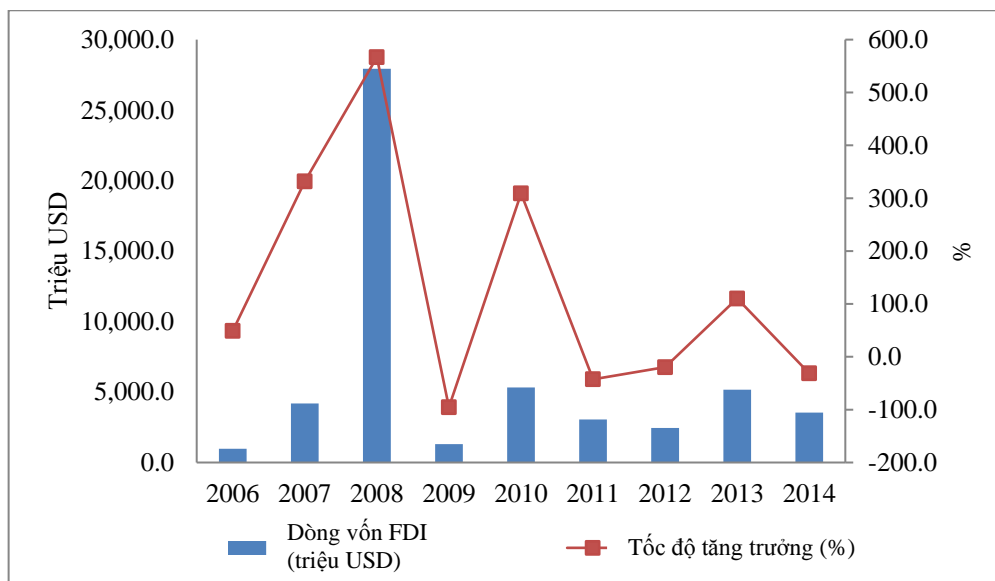
Giống như các nhà đầu tư khác, các nhà đầu tư ASEAN bị thu hút bởi các ưu đãi của Việt Nam. Dòng vốn FDI từ ASEAN có những thay đổi đáng kể. FDI từ các nước ASEAN vào Việt Nam đạt mức cao kỷ lục vào năm 2008 với 27.934,8 triệu USD, cao hơn 42,9 lần so với năm 2005 (651,9 triệu USD), và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong lịch sử là 250% mỗi năm trong giai đoạn 2005-2008. Tốc độ tăng trưởng này cao hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng FDI tổng thể tại Việt Nam và so với FDI từ các nhà đầu tư lớn khác. Cụ thể, FDI tổng thể tăng 110,7% mỗi năm, FDI từ Thái Lan tăng 127,4%, từ Nhật Bản tăng 100,1 %, từ Hoa kỳ tăng 65,8% và từ Trung Quốc tăng 45,7%.

Tuy nhiên, dòng vốn FDI từ ASEAN vào Việt Nam giảm mạnh vào năm 2009 xuống còn 1.302,1 triệu USD, tức là giảm 95,3% so với năm trước đó (Biểu đồ 2). Đây là mức giảm lớn nhất trong số các nhà đầu tư nước ngoài chính tại Việt Nam<sup>1</sup>. Năm 2010, trong khi FDI

<sup>1</sup> FDI tổng thể giảm 63,9%, FDI từ Nhật Bản giảm 90,6%, từ Hàn Quốc giảm 81,6%

tổng thể có xu hướng giảm đến năm 2011, FDI từ ASEAN lại đi theo hướng ngược lại, tăng gấp 3,1 lần so với mức FDI năm 2009, đạt 5.326 triệu USD.

**Biểu đồ 2. FDI từ ASEAN: Dòng vốn và tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006-2014**



Nguồn: Tổng cục thống kê

Giai đoạn 2011-2012, FDI từ ASEAN tiếp tục giảm, lần lượt giảm 42,6% và 19,7%, chỉ đạt 2.455,6 triệu USD năm 2012, là mức FDI nhỏ nhất kể từ năm 2007. Chỉ đến năm 2013 dòng vốn FDI từ ASEAN vào Việt Nam mới được cải thiện, tăng 110,2% (5.161,4 triệu USD) trước khi lại suy giảm vào năm 2014 (giảm 31,4% xuống còn 3.542,1 triệu USD)

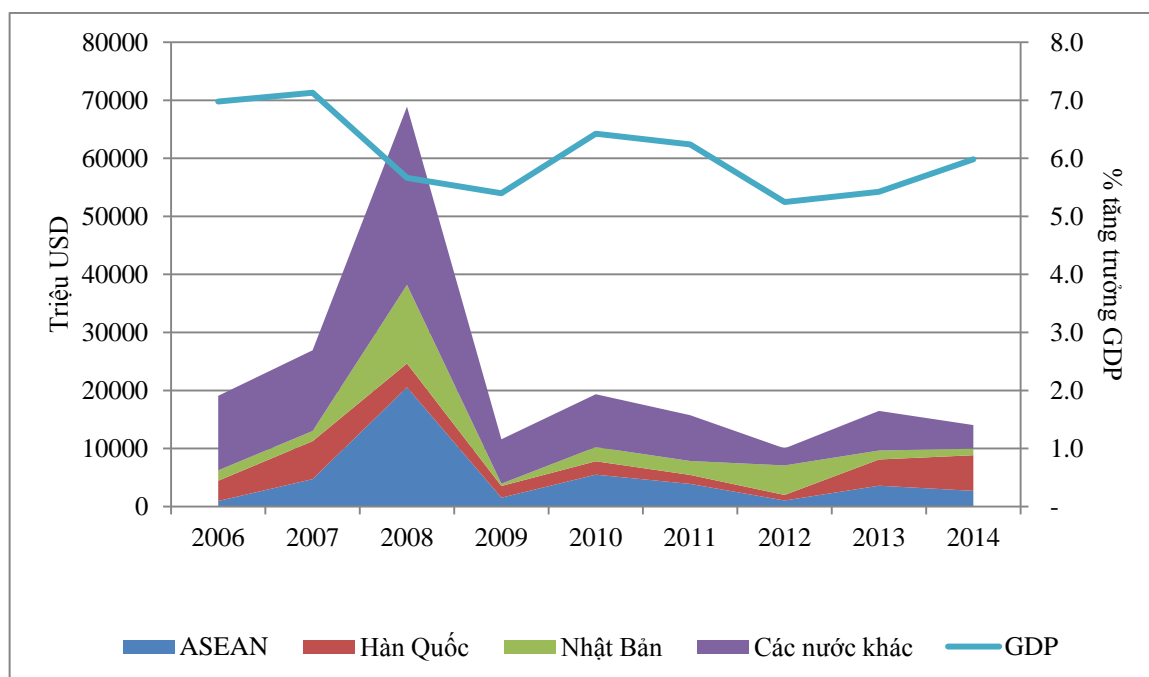
#### 4. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI ĐẦU TƯ VÀ CÁC DÒNG VỐN FDI TRÀN VÀO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HẬU THỰC THI ACIA

##### 4.1. Tác động của ACIA đối với đầu tư của cả nền kinh tế

##### 4.1.1. Tác động của ACIA đối với FDI

Xét về vốn đăng ký, Biểu đồ 3 đưa ra một bức tranh sơ bộ về tác động tổng thể của ACIA đối với FDI. *Dường như việc thực thi ACIA có một tác động vô hình đối với dòng vốn FDI từ tất cả các nước và từ ASEAN.* Trong suốt giai đoạn thực thi ACIA 2012-2014, không có sự gia tăng FDI rõ ràng nào nói chung và FDI từ ASEAN nói riêng. Tổng vốn FDI đăng ký (10,02 tỷ USD) năm 2012 (năm đầu tiên thực thi ACIA) là mức thấp nhất trong cả giai đoạn 2006-2014, thậm chí còn thấp hơn mức vốn FDI năm 2009 (11,59 tỉ USD) khi mà FDI suy giảm mạnh do cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Dòng vốn FDI từ ASEAN cũng đi theo mô hình tương tự: vốn đăng ký vào năm 2012 là mức thấp nhất kể từ năm 2009 (1.032 triệu USD so với 1.523 triệu USD); chỉ đến năm 2013, năm thứ 2 thực thi ACIA, dòng vốn này tăng vọt lên 3.584 triệu USD nhưng vẫn thấp hơn hầu hết các năm trước khi ACIA được thực thi (2007-2008, 2010-2011); dòng vốn này lại giảm xuống vào năm 2014, còn 2.699 triệu USD.

**Biểu đồ 3. Vốn FDI đăng ký (triệu USD) theo các đối tác chính và tăng trưởng GDP của Việt Nam**



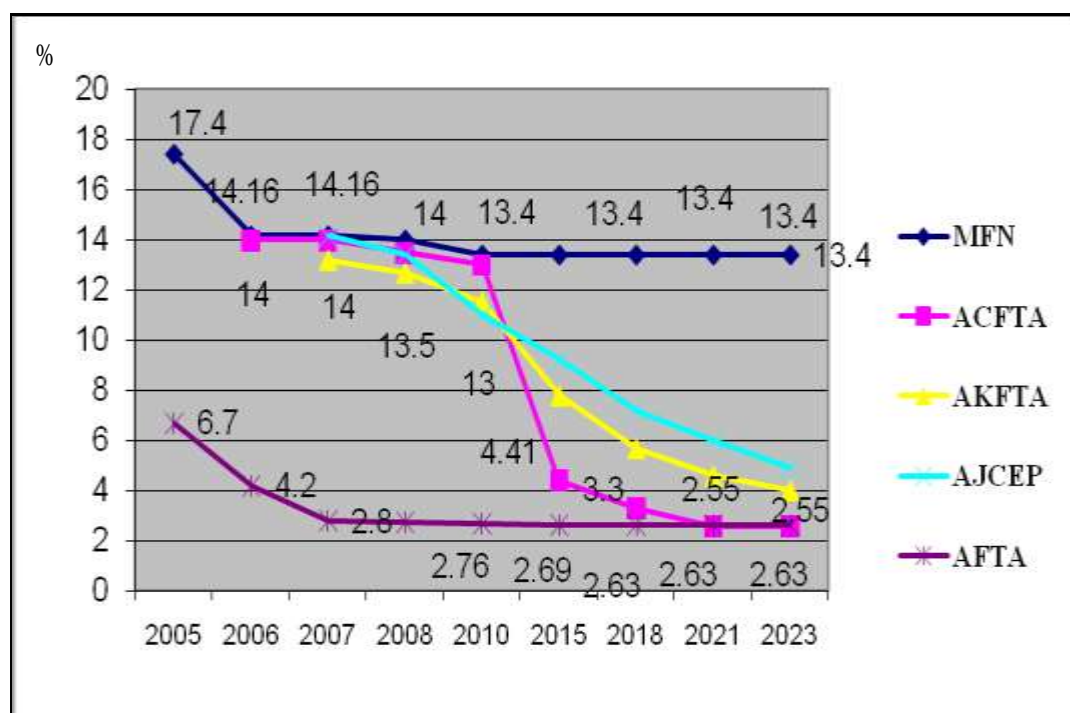
*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài*

FDI từ ASEAN giai đoạn 2012-2014 có xu hướng giảm với mức giảm mạnh hơn so với các nhà đầu tư lớn khác như Nhật Bản và Hàn Quốc. ACIA có vẻ có tác động yếu hơn so với các hiệp định với các đối tác chủ yếu khác. Các nhà đầu tư ASEAN dường như chưa tận dụng được ACIA để mở rộng hoạt động tại Việt Nam. Từ Biểu đồ 3 có thể thấy rõ rằng VJEPA, hiệp định có hiệu lực từ cuối năm 2009, tác động đến dòng vốn FDI nhiều hơn đáng kể so với ACIA. Dòng vốn này tăng lên dần dần, đến năm 2012 đã cao hơn FDI từ ASEAN. Còn dòng vốn FDI từ Hàn Quốc đã cao hơn dòng vốn từ ASEAN từ năm 2013.

Điều này có thể được giải thích từ các mục tiêu truyền thống của FDI, bao gồm đa dạng hóa rủi ro, tận dụng yếu tố sản xuất tương đối rẻ (bao gồm các ưu đãi của nền kinh tế của chủ đầu tư); quy mô thị trường tương đối lớn là một thị trường tiềm năng hấp dẫn; và cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là biện pháp thâm nhập thị trường (khi các rào cản thuế quan và phi thuế quan có thể gây hạn chế đáng kể). Năm 2012, thuế quan trung bình đối với hàng nhập khẩu từ ASEAN đã giảm xuống chỉ còn dưới 3% (Biểu đồ 4). Các nhà đầu tư ASEAN có ít động lực để đầu tư vào thị trường Việt Nam nếu mục tiêu ban đầu của họ là để tránh rào cản thuế quan cao. Thay vào đó, họ có thể xuất khẩu các sản phẩm làm sẵn sang Việt Nam mà chỉ phải chịu mức thuế quan không đáng kể. Tình huống tương tự cũng xảy ra với các nhà đầu tư nước ngoài ngoài ASEAN, là các nhà đầu tư đang phải đối mặt với các rào cản thương mại đáng kể. Bây giờ họ có thể vận hành các nhà máy tại các nước ASEAN khác (một số quốc gia thành viên của khu vực này còn đưa ra các nhượng bộ rất hào phóng, và có thể là một môi trường đầu tư thuận lợi hơn) để xuất khẩu sang Việt Nam.



**Biểu đồ 4. Lộ trình cắt giảm thuế quan theo các FTA chính tại Việt Nam (%)**



Một lý do khác giải thích cho tác động mờ nhạt của ACIA đối với FDI là vì sự tuyên truyền phổ biến cho các nhà đầu tư tiềm năng về sự đối xử ưu đãi theo ACIA còn kém. Một lượng lớn các nhà đầu tư nước ngoài còn chưa biết đến ACIA cũng như sự đối xử ưu đãi theo hiệp định này.

Xét về vốn thực hiện, tốc độ tăng trưởng của các dòng vốn FDI vào Việt Nam thấp hơn các dòng vốn FDI vào ASEAN trong suốt giai đoạn thực thi ACIA, mặc dù Việt Nam thực hiện tốt hơn thế giới (Biểu đồ 5). Điều này chỉ ra rằng Việt Nam là một điểm đến hấp dẫn hơn nhiều khu vực khác, nhưng vẫn còn yếu trong khu vực ASEAN.

Lý do có thể là vì môi trường đầu tư ở Việt Nam vẫn còn chưa tốt bằng các quốc gia thành viên ASEAN khác cho dù có một loạt các ưu đãi từ ACIA, ví dụ như thủ tục hành chính công kênh, cơ sở hạ tầng không đầy đủ, thiếu thốn nguồn nhân lực, tất cả những yếu tố này khiến chi phí sản xuất cao và vì vậy mà lợi nhuận thấp.

Hơn nữa, các tác động của ACIA có thể bị suy giảm bởi các yếu tố khác, như các khó khăn thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính toàn cầu. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, một số quốc gia thành viên ASEAN đã ký và thực thi được nhiều FTA hơn mà theo đó, nhà đầu tư nước ngoài được hưởng ưu đãi nhiều hơn ở Việt Nam.

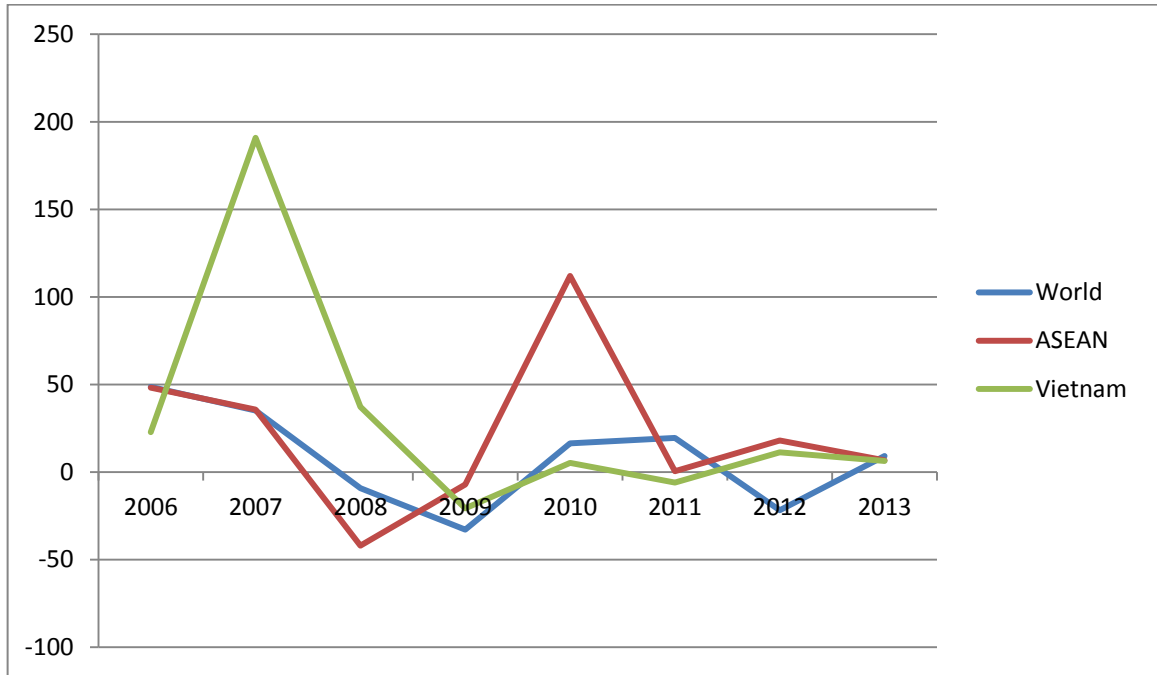
Mặt khác, các FTA Việt Nam ký với các đối tác thương mại khác, ví dụ như VJEP, có thể làm tăng cường thêm tác động của ACIA. Giả thuyết này đúng trong trường hợp các quốc gia thành viên ASEAN chưa ký FTA song phương với Nhật Bản nhưng muốn được ưu đãi khi tiếp cận thị trường Nhật Bản. Tuy vậy, tác động này dường như còn nhỏ hơn so với các tác động kể trên.

Cần chú ý rằng việc gia nhập WTO có tác động tích cực to lớn đến với FDI vào Việt Nam nói chung là FDI từ ASEAN vào Việt Nam nói riêng. Trong thời gian chờ đợi trở thành thành viên WTO, FDI đã tăng mạnh từ năm 2006, đạt đỉnh điểm vào năm 2008 với 69 tỷ USD. Vốn đăng ký của các dự án FDI từ ASEAN bùng nổ mạnh mẽ, tăng gần gấp 5 lần vào năm

2007 và hơn 4 lần vào năm 2008. Các kết quả này cho thấy cải thiện thể chế - khía cạnh quan trọng nhất của các cam kết WTO – là yếu tố thúc đẩy thu hút FDI.

Ngoài ra, Biểu đồ 3 cho thấy từ năm 2009, dòng vốn FDI (cả từ thế giới và ASEAN) đã di chuyển gần hơn với tăng trưởng GDP, hàm ý rằng khi các yếu tố khác ngang bằng nhau, điều kiện kinh tế thuận lợi là yếu tố quan trọng, thậm chí còn quan trọng hơn đối với FDI.

**Biểu đồ 5. Tăng trưởng hàng năm của các dòng vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2006-2013 (%)**



*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của UNCTAD*

#### **4.1.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nước**

Bảng 3 cho thấy, trong thời kỳ tiền và hậu thực thi ACIA, ***FDI tổng thể có tác động mờ nhạt đối với đầu tư trong nước***. Vốn FDI thực hiện giảm vào năm 2012, năm đầu tiên thực thi ACIA. Ngược lại, đầu tư trong nước (đầu tư nhà nước và đầu tư ngoài nhà nước), đặc biệt là đầu tư nhà nước, vẫn tiếp tục tăng. Năm 2013, FDI hồi phục mạnh mẽ, trong khi đầu tư nhà nước giảm tốc độ tăng trưởng, còn đầu tư ngoài nhà nước tăng trưởng một cách khiêm tốn. Năm 2012, đầu tư ngoài nhà nước tăng lên mạnh mẽ hơn, nhưng FDI lại tăng chậm hơn.

**Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng hàng năm vốn thực hiện theo chủ đầu tư (%)**

<i>Năm</i>	<i>Ngoài nhà nước</i>	<i>FDI</i>	<i>Nhà nước</i>
2006	15.4	21.4	9.4
2007	27.7	94.5	4.8
2008	-4.0	35.3	-3.1
2009	28.2	-19.3	22.6
2010	20.1	10.0	-0.7
2011	-0.5	-13.9	-9.2
2012	3.8	-3.9	13.5
2013	5.6	8.8	7.3
Sơ bộ 2014	9.5	6.4	6.0

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê*

Ngoài ra, như đã được phân tích trong phân mục 4.1.1, việc thực thi ACIA có một tác động vô hình đối với các dòng vốn FDI tổng thể, do đó có sự tương quan rất yếu đối với đầu tư trong nước. Nói cách khác, ACIA có chỉ tác động mờ nhạt đối với đầu tư trong nước.

## **4.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**

### **4.2.1. Tác động của ACIA đối với FDI**

#### *Nông nghiệp*

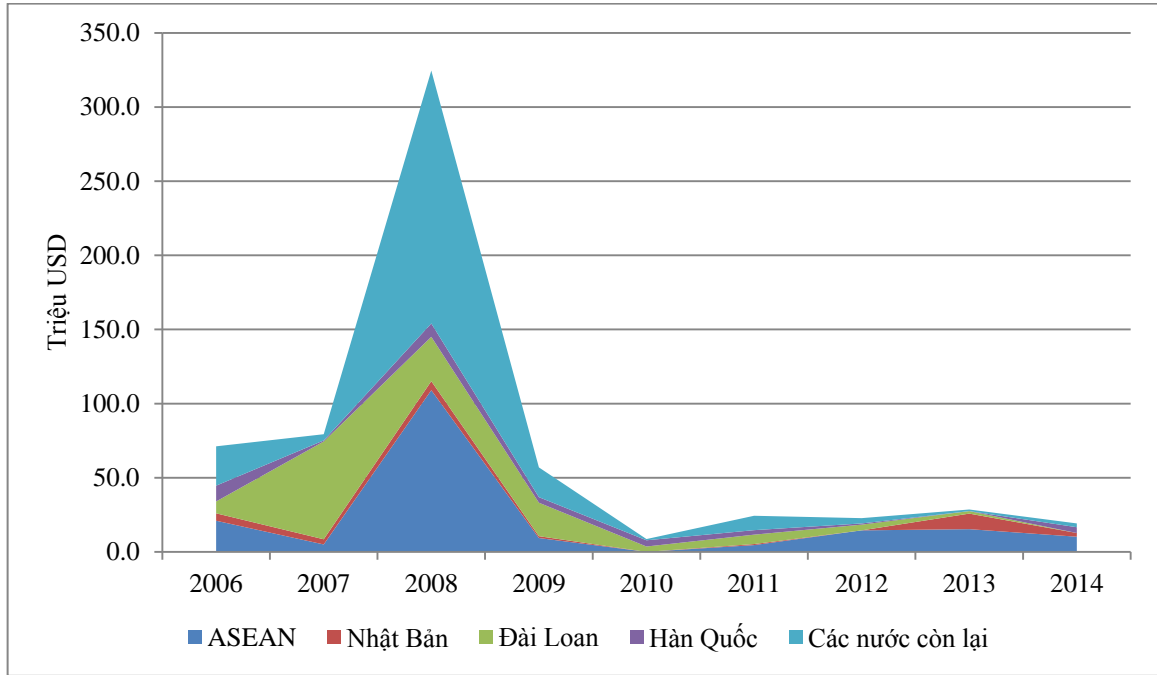
Xét về vốn FDI đăng ký, Biểu đồ 5 cho thấy **ACIA có thể có tác động nào đó đối với dòng vốn FDI từ ASEAN vào nông nghiệp**. Vốn FDI đăng ký từ ASEAN đã tăng đáng kể từ 4,6 triệu USD vào năm 2011 lên 14,5 triệu USD vào năm 2012 (năm đầu tiên thực thi ACIA) và lên 15,3 triệu USD vào năm 2013, sau đó giảm nhẹ xuống còn 10,2 triệu USD. Tuy nhiên, tác động của ACIA còn nhỏ bé so với việc gia nhập WTO vào năm 2008, khi đó vốn FDI đăng ký đã tăng lên tới 109 triệu USD. Trong suốt kỳ thực thi ACIA, ASEAN trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất trong nông nghiệp, chiếm hơn một nửa vốn FDI trong ngành.

Từ

Biểu đồ 6 có thể thấy việc thực thi ACIA dường như không có ảnh hưởng đối với FDI từ các nước còn lại trên thế giới vào Việt Nam, vì quan sát thấy FDI không có sự gia tăng nào.

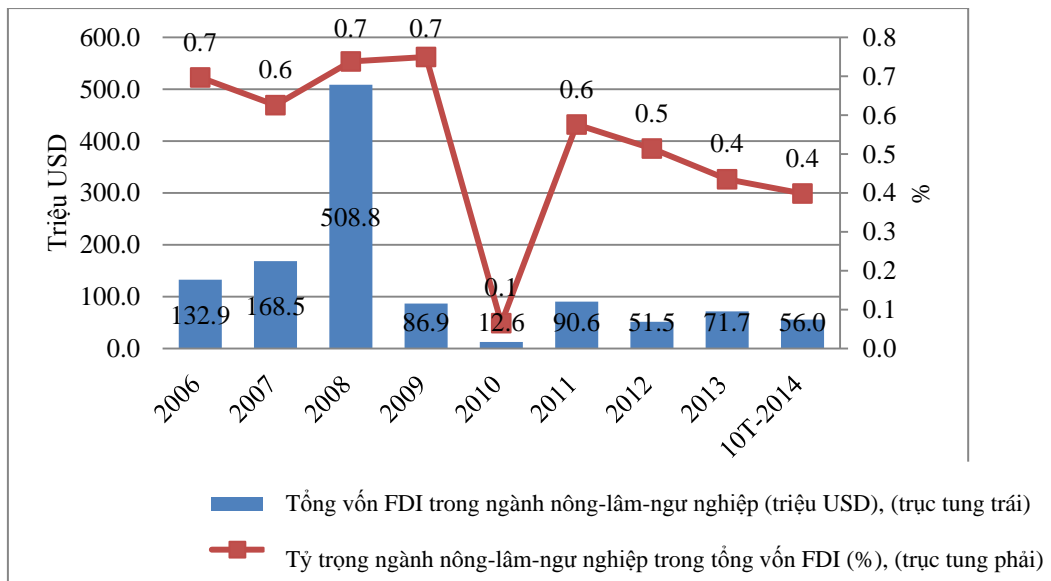
Mặt khác, FDI vào nông nghiệp luôn chỉ chiếm một tỷ lệ không đáng kể trong tổng vốn FDI tại Việt Nam. Trong giai đoạn 2006-2014, FDI vào nông nghiệp chỉ chiếm 0,31% tổng vốn FDI vào Việt Nam, đạt mức cao nhất là 0,49% vào năm 2009 và mức thấp nhất là 0,04% vào năm 2010. Có nghĩa là trong tổng thể nền kinh tế, tác động của ACIA đối với FDI vào nông nghiệp là rất nhỏ.

**Biểu đồ 6. Vốn FDI đăng ký trong nông nghiệp theo đối tác đầu tư chính (triệu USD)**



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

**Biểu đồ 7. FDI vào ngành nông-lâm-ngư nghiệp tại Việt Nam giai đoạn 2006-2014**



Nguồn: Tổng cục thống kê

#### Lâm nghiệp

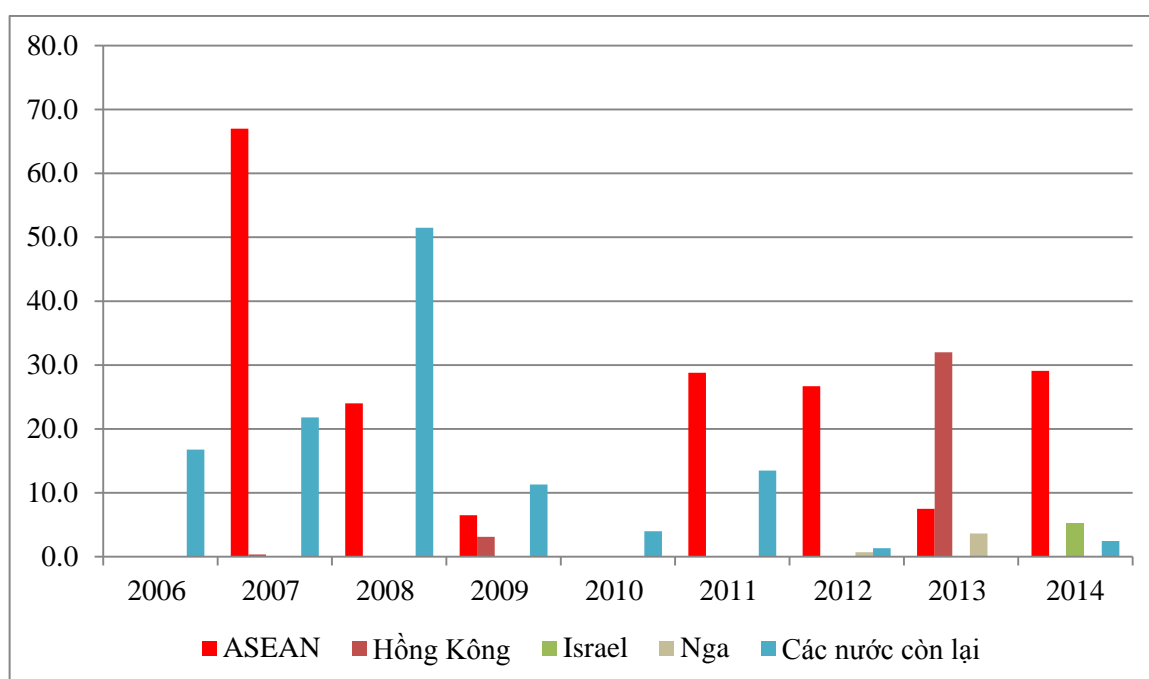
**Việc thực thi ACIA không có tác động nào đối với các dòng vốn FDI từ ASEAN vào lâm nghiệp.** Trong giai đoạn 2012-2014, không có dự án FDI mới nào từ ASEAN trong ngành lâm nghiệp hay từ các nước khác được đăng ký. Thực ra, kể từ năm 2007 đã không có dự án FDI mới nào từ ASEAN trong ngành này. Có thể nói, lâm nghiệp ở Việt Nam không hấp dẫn các quốc gia thành viên ASEAN do thời hạn trả nợ dài và lợi thế so sánh nhỏ.

### Thủy sản

Trong giai đoạn tiền ACIA, ASEAN thường xuyên là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất trong ngành thủy sản. **Tác động của ACIA đối với các dòng vốn FDI từ ASEAN không nổi bật.** Vốn FDI đăng ký từ ASEAN năm 2012 là 26,7 triệu USD, thấp hơn so với năm 2011, và năm 2013 giảm mạnh xuống còn 7,5 triệu USD. Năm 2014, vốn FDI đăng ký phục hồi, nhưng chỉ cao hơn một chút so với năm 2011. Việc trở thành thành viên WTO có tác động mạnh mẽ hơn đáng kể đối với FDI từ ASEAN, khi dòng vốn này đạt mức 67 triệu USD vào năm 2007. ACIA dường như không có tác động đối với các dòng vốn FDI vào thủy sản từ các nước còn lại trên thế giới.

Tương tự tình trạng trong nông nghiệp, FDI vào thủy sản chỉ chiếm một phần rất nhỏ, nhỏ hơn 0,3%, trong tổng vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2012-2014. Vì vậy, tác động của ACIA đối với FDI vào thủy sản so với FDI vào các lĩnh vực còn lại của nền kinh tế là không đáng kể.

**Biểu đồ 8. Vốn FDI đăng ký trong thủy sản theo đối tác đầu tư chính (triệu USD)**



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài

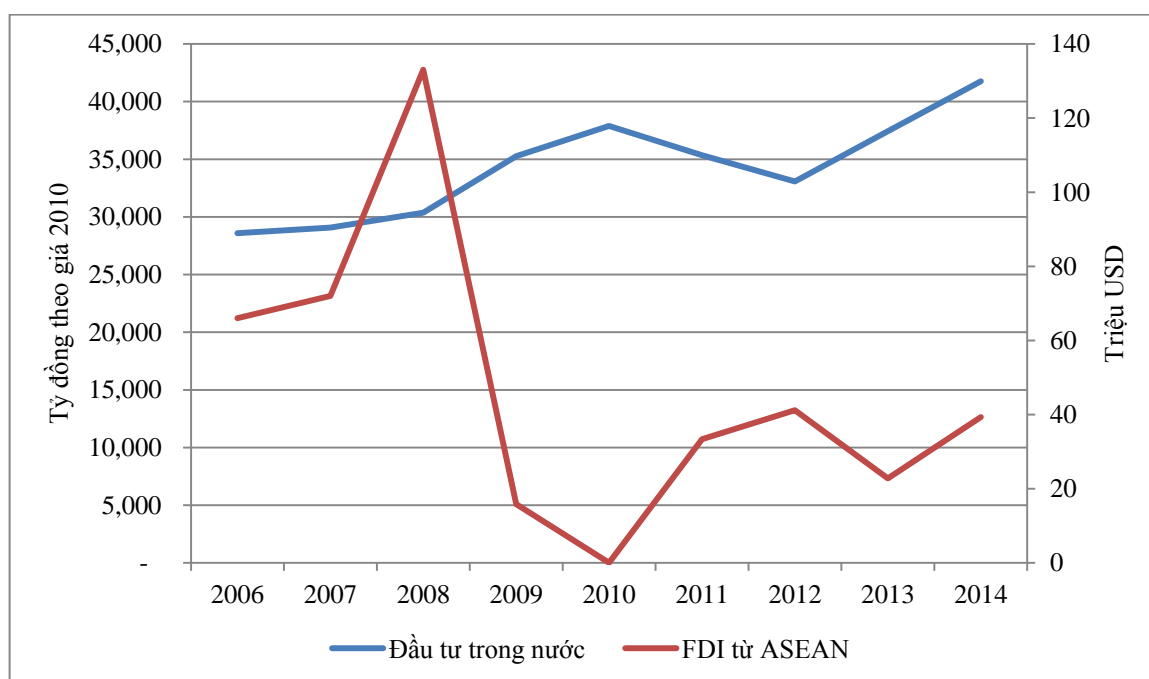
#### 4.2.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nước trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Do không có số liệu riêng về đầu tư trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tiêu mục này chỉ bàn đến tác động của ACIA đối với tổng thể nông-lâm-ngư nghiệp. Biểu đồ 8 cho thấy **việc thực thi ACIA có tác động không rõ rệt đối với đầu tư trong nước (đầu tư nhà nước và ngoài nhà nước) trong nông-lâm-ngư nghiệp.** Năm 2012 (năm đầu tiên thực thi ACIA), FDI từ ASEAN tăng lên trong khi vốn thực hiện của đầu tư trong nước giảm xuống. Năm 2013, tình thế đảo ngược khi mà FDI giảm xuống mức thấp hơn năm 2011. Chỉ đến năm 2014, cả đầu tư trong nước và FDI mới tăng trưởng theo cùng hướng. Qua thời gian, đầu tư trong nước trong ngành nông-lâm-ngư nghiệp có xu hướng ổn định hơn FDI.

Tóm lại, đối với các dòng FDI từ ASEAN, việc thực thi ACIA chỉ có tác động nhỏ trong nông nghiệp, tác động không rõ rệt trong thủy sản và không có tác động trong lâm

ngiệp. Việc thực thi ACIA không có tác động đáng chú ý nào đối với FDI từ các nước còn lại trên thế giới ngoài ASEAN cũng như đầu tư trong nước.

**Biểu đồ 9. Đầu tư trong nước (tỷ đồng theo giá 2010) và vốn FDI đăng ký (triệu USD) từ ASEAN trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản**



*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài*

### 4.3. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong sản xuất

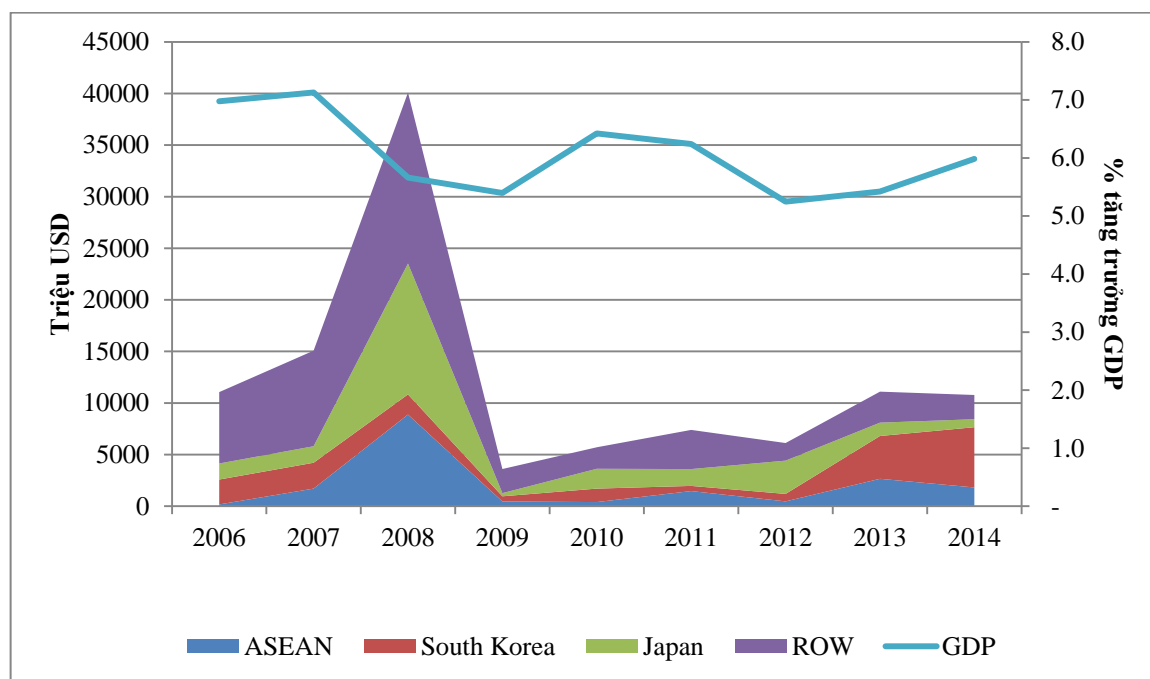
#### 4.3.1. Tác động của ACIA đối với FDI

**Tác động của ACIA đối với các dòng vốn FDI từ ASEAN vào sản xuất không có gì nổi bật.** Năm 2012 - năm đầu tiên thực thi ACIA, vốn FDI đăng ký từ ASEAN đã không tăng lên cho tương ứng với các ưu đãi từ ACIA. FDI từ ASEAN vào sản xuất giảm mạnh từ 1463,2 triệu USD vào năm 2011 xuống 465,7 triệu USD vào năm 2012. Dòng vốn này chỉ tăng trong năm 2013, khi vốn FDI đăng ký gia tăng đáng kể lên tới 2652,1 triệu USD. Năm 2014, dòng vốn này lại giảm, xuống còn 1814,4 triệu USD trong khi nền kinh tế khu vực đã phục hồi phần nào. Biểu đồ 9 cho thấy mô hình này tương tự với mô hình của FDI tổng thể từ ASEAN, khi mà dòng vốn này thay đổi tương ứng với tăng trưởng GDP trong hầu hết các năm. Điều này là vì FDI vào sản xuất thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng FDI, trừ hai năm hậu khủng hoảng là 2009 và 2010. Tác động của ACIA trong ngành sản xuất nhỏ hơn nhiều so với tác động của việc gia nhập WTO.

FDI từ Hàn Quốc gia tăng mạnh mẽ kể từ năm 2013, nhưng có thể là do tác động của việc tăng cường hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc.



**Biểu đồ 10. Vốn FDI đăng ký trong sản xuất theo đối tác đầu tư chính (%)**



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài và Tổng cục thống kê

#### 4.3.2. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong nước trong ngành sản xuất

Các số liệu về đầu tư trong nước và vốn FDI đăng ký giai đoạn 2006-2014 cho thấy sự tương quan giữa đầu tư trong nước và FDI vào sản xuất là rất nhỏ. Trong năm 2008 và 2011, đầu tư trong nước giảm nhưng vốn FDI đăng ký lại tăng. Trong các năm còn lại, hai dòng vốn này thường chuyển động theo hướng đối nghịch nhau. Ước tính giá trị tương quan giữa hai dòng vốn này là -0,2, có nghĩa là nếu vốn FDI đăng ký từ ASEAN tăng thì có thể đầu tư trong nước giảm. Từ đó có thể kết luận rằng **ACIA không có tác động tích cực đối với đầu tư trong nước vào sản xuất**. Thêm vào đó, trong khi FDI từ ASEAN biến động theo từng năm, đầu tư trong nước lại có xu hướng ổn định hơn nhiều.

#### 4.4. Tác động của ACIA đối với đầu tư trong khai khoáng

Ngành công nghiệp khai khoáng chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng vốn FDI tại Việt Nam. Số lượng dự án FDI trong khai thác mỏ và khai thác đá hàng năm không đến 10 dự án, chiếm gần 0,4% tổng số dự án FDI tại Việt Nam giai đoạn 2006-2014. Tương tự, tỷ trọng vốn FDI đăng ký trong ngành này trong tổng vốn FDI đăng ký là rất nhỏ, trung bình hàng năm chỉ gần 0,9%.

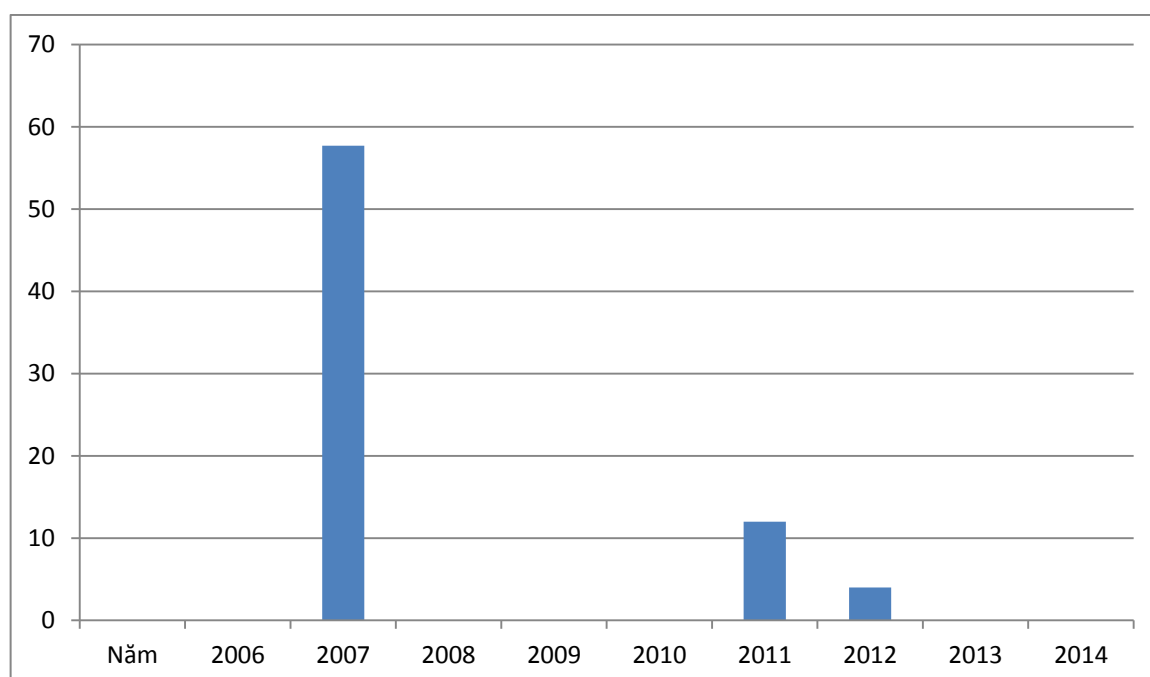
**Bảng 4. FDI trong khai khoáng tại Việt Nam**

Năm	Tổng số dự án FDI trong khai khoáng	Tỷ trọng số dự án FDI trong khai khoáng trong tổng số dự án FDI (%)	Số dự án FDI từ ASEAN trong khai khoáng	Vốn đầu tư đăng ký trong khai khoáng (triệu USD)	Tỷ trọng FDI trong khai khoáng trong tổng vốn đầu tư đăng ký (%)	Vốn FDI đăng ký từ ASEAN trong khai khoáng (triệu USD)
2006	5	0.5	0	107.60	0.6	0.0
2007	9	0.5	1	345.77	1.3	57.7
2008	7	0.4	0	136.36	0.2	0.0
2009	8	0.7	0	386.35	3.3	0.0
2010	0	0.0	0	0.00	0.0	0.0
2011	5	0.4	1	98.40	0.6	12.0
2012	7	0.5	1	161.93	1.6	4.0
2013	4	0.3	0	42.32	0.3	0.0
2014	0	0.0	0	0.00	0.0	0.0

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài*

Trong suốt giai đoạn 2006-2014, chỉ có ba dự án FDI từ ASEAN đầu tư vào ngành công nghiệp khai khoáng ở Việt Nam, với số vốn đầu tư có tỷ trọng rất nhỏ so với tổng FDI trong ngành (xem Bảng 4). Điều này thể hiện rằng ngành công nghiệp khai khoáng ở Việt Nam vẫn chưa bị tác động bởi việc thực thi ACIA.

**Biểu đồ 11. FDI từ ASEAN vào ngành công nghiệp khai khoáng ở Việt Nam  
(Triệu USD)**



*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài.*

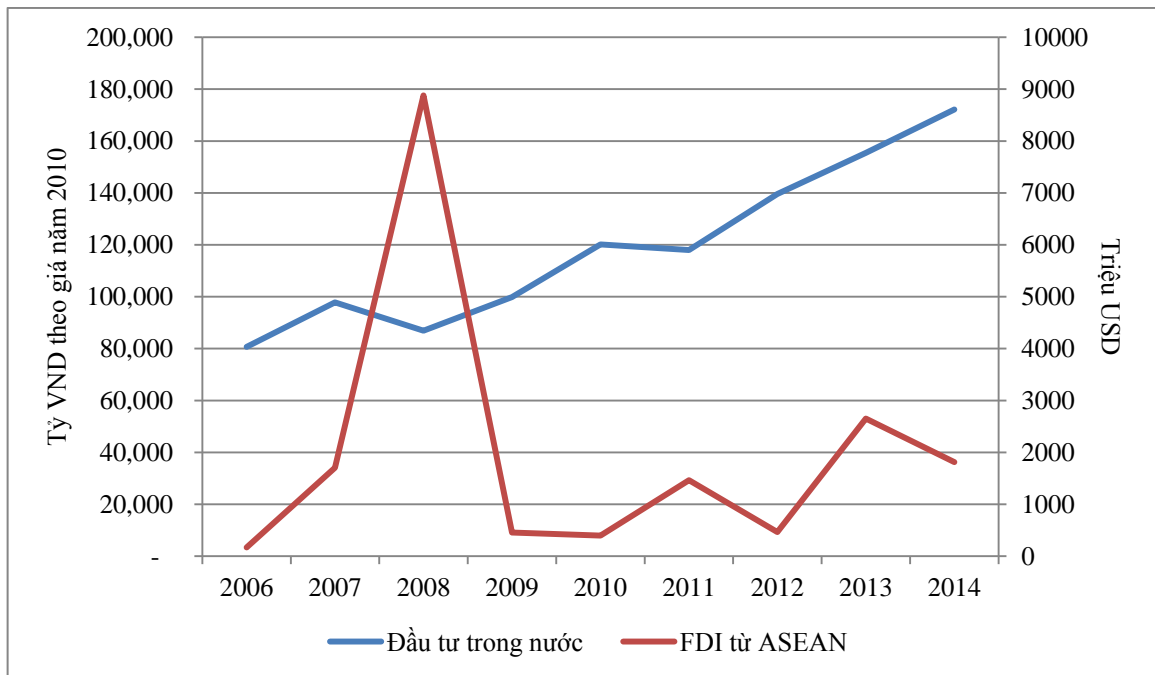
## **5. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**

Qua phân tích trong Mục 4, việc thực thi ACIA chỉ có một vài tác động đối với FDI từ ASEAN vào nông nghiệp và sản xuất. Có nghĩa là, không có tác động trực tiếp nào đối với sản xuất trong nước trong ba ngành được xem xét còn lại (cụ thể là lâm nghiệp, thủy sản và khai khoáng).

ACIA có thể tác động lên sản xuất trong nước thông qua một số kênh sau:

- Thứ nhất, FDI trong ngành được xem xét tăng trong giai đoạn xây dựng (thường từ ba đến năm năm) sẽ khiến cho nhu cầu xây dựng và tư liệu sản xuất từ cả các nguồn trong nước và nhập khẩu tăng lên.
- Thứ hai, FDI trong ngành được xem xét tăng sẽ làm mở rộng quy mô sản xuất trong ngành được xem xét trong các năm sau đó (thường từ ba đến năm năm). Nhập khẩu hàng hóa thay thế hàng trong nước có thể giảm xuống. Tuy nhiên, vì ACIA chỉ vừa mới được thực thi từ năm 2012, loại tác động này có thể được coi là bằng 0.

**Biểu đồ 12. Đầu tư trong nước (tỷ VND theo giá năm 2010) và vốn FDI đăng ký từ ASEAN trong sản xuất (triệu USD)**



*Nguồn: Tổng cục thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài*

- Thứ ba, đầu vào sản xuất (từ các ngành thượng nguồn) cho ngành được xem xét tăng sẽ làm mở rộng quy mô các ngành thượng nguồn. Trường hợp này chỉ xảy ra khi dự án bắt đầu hoạt động (thường là từ ba đến năm năm kể từ khi thực hiện dự án). Vì ACIA mới chỉ được tiến hành thực thi trong ba năm, tác động này có lẽ là bằng 0.
- Thứ 4, mở rộng quy mô các ngành hạ nguồn nhờ ACIA sẽ khiến gia tăng nhu cầu đối với đầu vào từ ngành được xem xét. Cho đến nay, tác động này có lẽ cũng chỉ bằng 0.

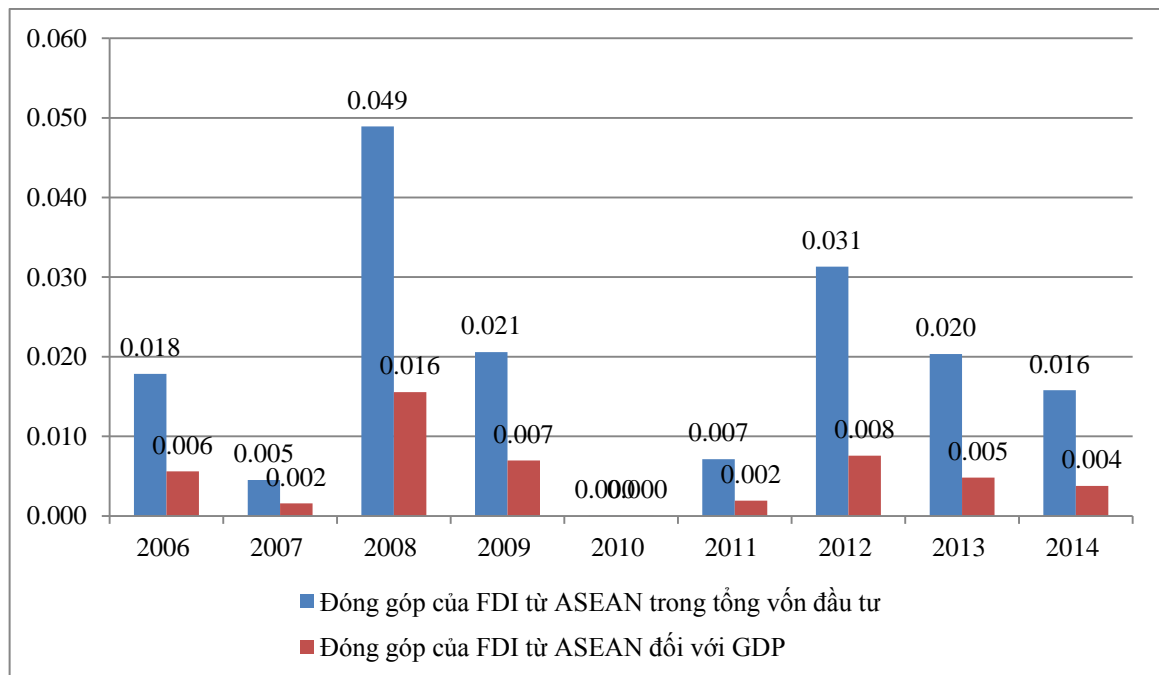
Vì những lý do trên, mục này sẽ chỉ xem xét tác động khiến gia tăng nhu cầu về xây dựng và tư liệu sản xuất cả từ các nguồn trong nước và nhập khẩu. Nhu cầu về xây dựng và tư liệu sản xuất gia tăng ảnh hưởng đến chi tiêu của GDP thông qua việc tăng đầu tư vào tài sản sản xuất.

Do thiếu số liệu về thành phần hàng hóa đầu tư trong hai ngành được xem xét, tỷ trọng vốn FDI đăng ký từ ASEAN trong tổng vốn đầu tư được lấy làm đại diện cho tỷ trọng vốn cố định từ ASEAN trong tổng vốn cố định.

### **5.1. Tác động của FDI từ ASEAN vào nông nghiệp đối với GDP thông qua gia tăng tài sản sản xuất**

Đóng góp của FDI từ ASEAN vào nông nghiệp đối với đầu tư và GDP là rất nhỏ bé. Như có thể thấy trong Biểu đồ 12, giai đoạn hậu thực thi ACIA, các đóng góp này có gia tăng so với hai năm trước khi thực thi ACIA (2010 và 2011). Có nghĩa là, ACIA đã có tác động đối với đầu tư và GDP, tuy nhiên mức độ vẫn còn rất khiêm tốn, chỉ 0,016% - 0,03% tổng vốn đầu tư trong các năm hậu thực thi ACIA. Đóng góp đối với GDP thực sự là quá nhỏ (0,004% - 0,008% GDP). Nếu các yếu tố khác là bằng nhau, tác động ròng của việc thực thi ACIA chính bằng chênh lệch giữa hai thời kỳ hậu và tiền thực thi ACIA.

**Biểu đồ 13. Đóng góp của FDI từ ASEAN vào nông nghiệp  
đối với tổng vốn đầu tư và GDP (%)**

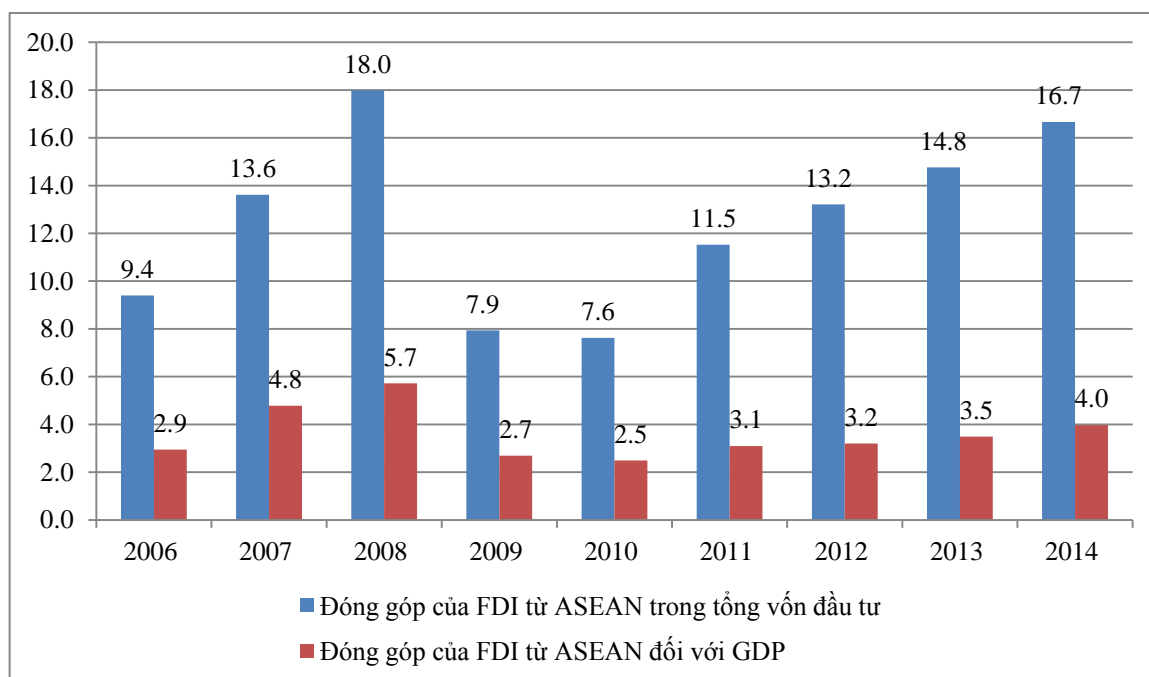


*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài*

## **5.2. Tác động của FDI từ ASEAN vào sản xuất đối với gia tăng tài sản sản xuất và GDP**

Đóng góp của FDI từ ASEAN vào sản xuất đối với đầu tư và GDP là lớn hơn nhiều so với FDI từ ASEAN vào nông nghiệp. FDI từ ASEAN vào sản xuất chiếm 13,2% – 16,7% tổng vốn đầu tư, trong khi trong các năm tiền thực thi ACIA là 7,6% – 11,5%. Đóng góp vào GDP cũng rất khả quan, từ 3,2% - 4% GDP. Tương tự, tác động ròng của việc thực thi ACIA chính bằng chênh lệch giữa hai thời kỳ hậu và tiền thực thi ACIA, tức là từ 0,1% - 1% GDP.

**Biểu đồ 14. Đóng góp của FDI từ ASEAN vào sản xuất  
đối với tổng vốn đầu tư và GDP (%)**



*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài*

## **6. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU**

Do các dự án FDI từ ASEAN vẫn chưa bắt đầu sản xuất, ACIA chưa có tác động nào đối với xuất khẩu.

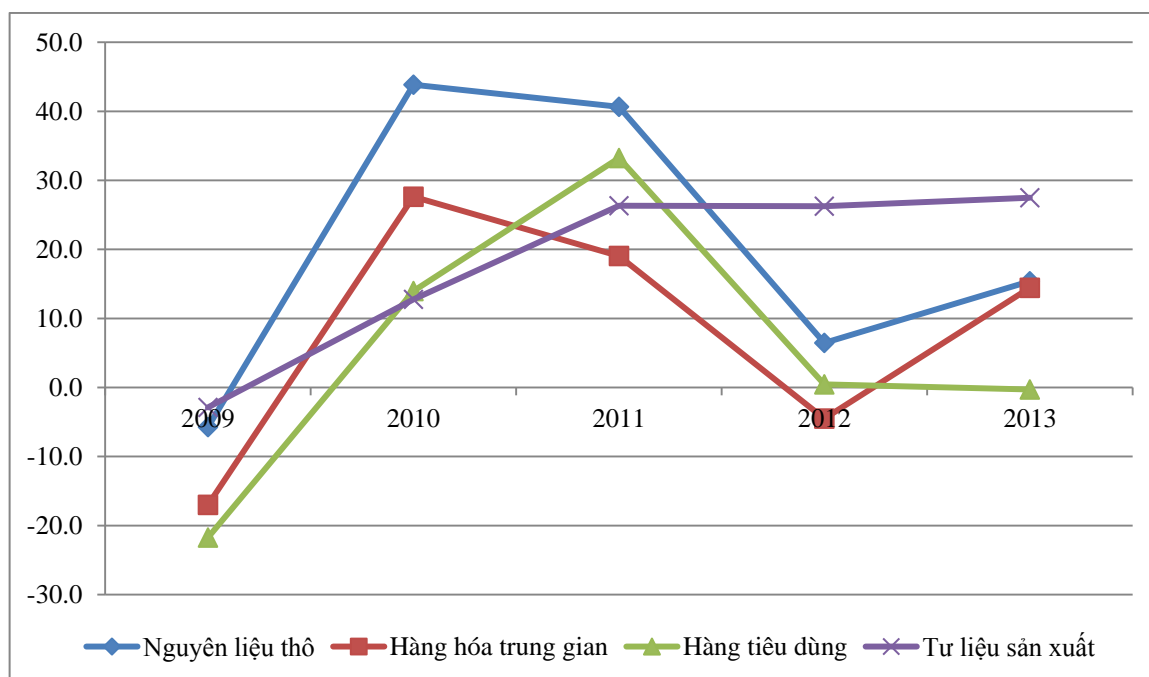
## **7. TÁC ĐỘNG CỦA ACIA ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU**

Vì hầu hết các dự án FDI từ ASEAN vẫn đang trong quá trình xây dựng, các tác động có thể xảy ra chỉ là làm gia tăng nhập khẩu tư liệu sản xuất, còn nhập khẩu nguyên liệu thô và hàng hóa trung gian (cần cho sản xuất) cũng như hàng tiêu dùng (có thể được thay thế bởi sản xuất trong nước) không bị ảnh hưởng nhiều. Xét lại việc tổng vốn FDI đăng ký từ ASEAN giảm trong năm 2012 và tăng nhẹ vào năm 2013, có thể nói rằng mọi sự gia tăng tư liệu sản xuất nhập khẩu năm 2012 đều không phải do việc thực thi ACIA.

Từ Biểu đồ 14 có thể thấy, trong năm 2012 và 2013, nhập khẩu tư liệu sản xuất tăng với tốc độ cao hơn đáng kể so với các năm trước đó (trung bình hàng năm là 26,9% giai đoạn 2012-2013 so với 11,4% giai đoạn 2009-2011). Sự tăng mạnh vào năm 2012 là do các dự án FDI đã được cấp giấy phép vào những năm đầu gia nhập WTO mua máy móc trang thiết bị cho giai đoạn xây dựng cuối của các dự án này, chứ không phải là từ các dự án FDI từ ASEAN trong giai đoạn hậu thực thi ACIA. Giá trị nhập khẩu năm 2013 lớn hơn là do sự gia tăng mạnh mẽ của FDI từ ASEAN giai đoạn hậu thực thi ACIA, của các dự án FDI từ Nhật Bản và Hàn Quốc và của cả đầu tư trong nước. Như vậy, có thể nói việc thực thi ACIA dường như đã có tác động nào đó đối với nhập khẩu tư liệu sản xuất.

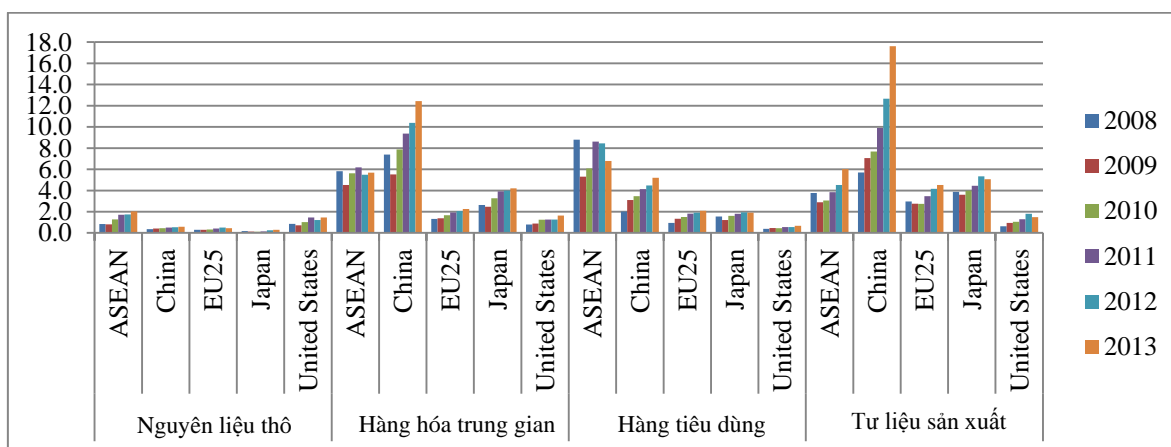
Biểu đồ 15 minh họa nhập khẩu của Việt Nam từ các đối tác thương mại chính trong giai đoạn 2008-2013. Theo đó, ASEAN là nhà cung cấp hàng tiêu dùng và nguyên liệu thô lớn nhất cho Việt Nam, và không bị ảnh hưởng bởi ACIA trong suốt ba năm thực thi đầu tiên vì các lí do nêu trên.

**Biểu đồ 15. Tăng trưởng hàng hóa nhập khẩu hàng năm của Việt Nam theo danh mục phân loại hàng hóa theo ngành kinh tế rộng (%)**



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của UNCOMTRADE

**Biểu đồ 16. Nhập khẩu của Việt Nam từ một số đối tác kinh tế giai đoạn 2008-2013 (tỷ USD)**



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của UNCOMTRADE

Trung Quốc là nguồn nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng hóa trung gian lớn nhất của Việt Nam, trong đó tốc độ nhập khẩu tư liệu sản xuất tăng nhanh hơn kể từ năm 2011. Các nhà cung cấp lớn sau Trung Quốc gồm có ASEAN, Nhật bản và EU. Ở một mức độ nào đó, nhập khẩu tư liệu sản xuất tăng có thể là nhờ các dự án ASEAN bắt đầu khởi động trong giai đoạn thực thi ACIA. Một trong những hệ quả của việc tự do hóa thương mại và đầu tư theo các FTA khác nhau và ACIA là gia tăng sự phụ thuộc của Việt Nam vào nhập khẩu tư liệu sản xuất và đầu vào trung gian từ Trung Quốc, khiến Việt Nam phải chịu thâm hụt thương mại song phương lớn.

## 8. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

### 8.1. Kết luận

Nghiên cứu nhận ra rằng ACIA chỉ có tác động khiêm tốn trong việc thu hút FDI từ ASEAN và các nước khác. FDI từ ASEAN thậm chí còn có xu hướng giảm với mức giảm lớn hơn trong giai đoạn thực thi ACIA 2012-2014 so với các nhà đầu tư lớn khác như Nhật Bản và Hàn Quốc. Tốc độ tăng trưởng của các dòng FDI vào Việt Nam thấp hơn tốc độ tăng trưởng FDI vào ASEAN trong giai đoạn thực thi ACIA. ACIA cũng chỉ có một tác động mờ nhạt đối với đầu tư trong nước.

Xét theo ngành, việc thực thi ACIA chỉ có tác động nhỏ trong nông nghiệp, tác động không rõ rệt trong thủy sản và không có tác động trong lâm nghiệp.

Đóng góp của FDI từ ASEAN vào nông nghiệp đối với đầu tư và GDP là rất nhỏ. Tác động của FDI từ ASEAN vào sản xuất thì lớn hơn, khoảng 0,1% - 1% GDP.

Do các dự án FDI từ ASEAN vẫn chưa bắt đầu sản xuất, ACIA chưa có tác động nào đối với xuất khẩu. Việc thực thi ACIA dường như có tác động nào đó đối với nhập khẩu tư liệu sản xuất. Trong quá trình thực thi ACIA và các FTA khác, Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu tư liệu sản xuất và đầu vào trung gian từ Trung Quốc, khiến Việt Nam phải chịu thâm hụt thương mại song phương.

### 8.2. Khuyến nghị

Báo cáo khuyến nghị như sau:

- Nên cải thiện ACIA hiện hành để thu hút hơn đối với các nhà đầu tư. Ví dụ, nên nói lỏng danh sách bảo lưu, đưa ra nhiều ưu đãi hấp dẫn hơn cho các nhà đầu tư ASEAN khi đầu tư vào các nước thành viên khác (nhưng vẫn phải tuân thủ với các quy tắc và quy định quốc gia và/hoặc quốc tế)
- Áp dụng các biện pháp để nâng cao hiệu quả và thực thi ACIA hiện hành, như tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN;
- Tăng cường phổ biến rộng rãi các ưu đãi của ACIA;
- Tăng cường phổ biến các ưu đãi của các FTA mà Việt Nam đã và sẽ tham gia như VJEPA, FTA Việt Nam – Liên minh kinh tế Á Âu, TPP, EU) để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài định hướng xuất khẩu;
- Cải thiện môi trường kinh doanh để đáp ứng FDI từ thế giới nói chung và từ ASEAN nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

CIEM (2013), *Đánh giá tổng thể tình hình kinh tế xã hội Việt Nam sau 5 năm khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới*, Hà Nội: Nhà xuất bản tài chính

Dej-Udom & Cộng sự, *Tổng quan Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN*

Dezan Shira & Cộng sự (2013), *Giới thiệu về Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN*, xem tại <http://www.aseanbriefing.com/news/2013/04/12/introduction-to-the-asean-comprehensive-investment-agreement.html>



MUTRAP (2014), Báo cáo ICB-8: *Đánh giá tác động của Đánh giá tác động của Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đối với nền kinh tế Việt Nam* (bản dự thảo tháng 11 năm 2014)

Rizar Indomo Nazaroedin (2010), *Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA): Các bài học có thể rút ra*, trình bày tại “hội nghị MENA-OECD: WG-1 về chính sách và xúc tiến đầu tư” ngày 15-16 tháng 12 năm 2010 tại Paris, Pháp

Dữ liệu trực tuyến của UNCTAD tại

<http://unctad.org/en/Pages/DIAE/FDI%20Statistics/Interactive-database.aspx>

Võ Trí Thành, Nguyễn Ánh Dương và Đinh Thu Hằng (2013), *Tăng cường kết nối chuỗi cung ứng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp ASEAN: Xác định nút thắt và cơ hội cải thiện - Hồ sơ quốc gia: Việt Nam*